

1 PHÚC MẠC

1 - Các trình bày sau đây về phúc mạc đều đúng **trừ**

A - Phúc mạc thành là phần phúc mạc che phủ mặt trong thành ổ bụng .

B - Phúc mạc tạng là phần phúc mạc bọc các tạng

C- Mạc nối là phần phúc mạc đi từ tạng nọ đến tạng kia .

D- Mạc treo là phần phúc mạc treo các tạng không thuộc ống tiêu hóa vào thành bụng (thuộc ống TH)

2- Các trình bày sau đây về phúc mạc đều đúng **trừ**

A - Ổ phúc mạc là khoang nằm giữa các phần của phúc mạc .

B - Khoang ngoài phúc mạc là khoang nằm giữa ổ phúc mạc và thành ổ bụng .

C - Tạng chỉ được bọc một phần bề mặt là những tạng có mạc treo (tạng ko có mạc treo)

D - Tạng được phúc mạc bao bọc hết bề mặt và có mạc treo là những tạng di động .

3 - Các mô tả sau đây về mạc treo đều đúng **trừ**

A- Treo một số đoạn ruột vào thành bụng

B – gồm hai lá

C - Giữa hai lá có mạch máu và thần kinh

D - Khối tá tụy cũng có một mạc treo .(không có)

4 Có tất cả các mạc treo sau đây **trừ**

A - Mạc treo ruột thừa

B - Mạc treo đại tràng lên (dính vào thành bụng sau)

C - Mạc treo đại tràng ngang

D - Mạc treo đại tràng sigma

5 Các mô tả sau đây về mạc nối nhỏ đều đúng **trừ** .

A -Gồm hai lá phúc mạc

B- có nhiều mạch máu giữa hai lá .

C - Là phần phúc mạc nối gan với dạ dày và tràng

D - Dây chằng gan tá tràng không thuộc mạc nối nhỏ (bờ phải của MNN)

6 Thành phần nào sau đây không thuộc mạc nối lớn .

A- Dây chằng vị hoành

B -Dây chằng vị gan (thuộc mạc nối nhỏ)

C -Dây chằng vị đại tràng

D- Dây chằng vị lách

7 Mô tả về cấu trúc phúc mạc đều đúng **trừ**

A - Nếp phúc mạc là do thành phần ngoài phúc mạc đội phúc mạc nhô vào lòng ổ phúc mạc tạo nên

B - Các hố phúc mạc là những vùng trũng nằm giữa các nếp phúc mạc

C - Các ngách nằm ở vùng thấp ổ phúc mạc được gọi là túi cùng .

D- Túi mạc nối không phải là ngách phúc mạc (là ngách sau - hậu cung)

8 các mô tả sau đây về túi mạc nối đều đúng **trừ**

A - Phần chính của túi mạc nối nằm giữa gan và dạ dày (dạ dày phía trước,thận,thượng thận tụy ở phía sau

B - Lỗ mạc nối thông túi mạc nối với phần còn lại của ổ phúc mạc (thông túi lớn)

C - Tiền đình là phần túi mạc nối nằm giữa lỗ mạc nối và lỗ nếp vị tụy

D - Lỗ nếp vị tụy ngăn cách giữa tiền đình và túi mạc nối chính

9 Các mô tả sau đây về tiền đình túi mạc nối đều đúng **trừ**

A - Thành trước là mạc nối nhỏ

B - Thành sau là khoang nằm giữa động mạch gan và tĩnh mạch chủ dưới (động mạch gan nằm trong nếp gan vị nên n phải ở trước, thành sau là đm chủ,tm chủ trên)

C - Thành trên là thùy đuôi của gan

D - Thành dưới là bờ trên mạc dính tá tụy

10 Các mô tả sau đây về đường vào phần chính túi mạc nối đều đúng **trừ**

A - Đường qua lỗ mạc nối đường tự nhiên

B - Đường rạch qua dây chằng gan - tá tràng

C - Đường rạch qua 2 lá trước mạc nối lớn

D - Đường rạch qua mạc treo đại tràng ngang

(4 đường vào hậu cung mạc nối : B sửa thành đường rạch qua mạc nối nhỏ chứ ko rạch vào dây chằng vì có bó mạch ở trong)

11 Mô tả nào sau đây về mạc nối nhỏ đúng ?

A - Bờ ga của nó bám vào các mép của khe dây chằng tròn

B- Nó liên tiếp với phúc mạc của dạ dày dọc theo bờ cong lớn

C - Đoạn ngang của bờ gan bám vào hai mép của cửa gan

D - Nó liên tiếp với hai lá của dây chằng liềm

12 Các mô tả sa đây về mạc nối nhỏ đều đúng **trừ**

A - Nó bị mặt tạng của gan trùm lên

B - Nó là thành dưới của tiền đình mạc nối (thành trước của tiền đình)

C - Nó gồm các phần nối từ gan tới hành tá tràng , dạ dày và thực quản , mỗi phần được gọi là 1 dây chằng

D - Bờ phải của nó nằm trước tĩnh mạch chủ dưới

13 Mô tả nào sau đây về tiền đình của túi mạc nối đúng

A -Đầu trái của nó thông với phần chính của túi mạc nối

B- Đầu phải của nó là lỗ nếp vị tụy (đầu phải là lỗ mạc nối)

C -Thành trên của nó là thùy vuông của gan (thùy đuôi chứ ko phải vuôn, thùy vuông bị phúc mạc phủ)

D -Thành dưới của nó là thân và đuôi tụy (đầu tụy chứ ko phải thân và đuôi)

14 Các mô tả sau đây về túi mạc nối đều đúng **trừ**

A -Nó có 1 ngách nằm giữa các lá trước và sau của mạc nối lớn

B -Nó là khoang mà qua đó dạ dày liên quan với thân tụy và thận trái

C -Nó được giới hạn ở bên trái bởi lách và các dây chằng của lách

D -Nó có hai đường vào bằng các lỗ tự nhiên (lỗ tự nhiên chỉ có 1 là lỗ mạc nối)

15 Mô tả nào sau đây về túi mạc nối đúng

A -Thành sau của phần chính túi mạc nối tạo nên bởi thân tụy và thận phải (thận trái)

B -Giới hạn trên của phần chính túi mạc nối là dây chằng vị hoành

C -Các động mạch vị ngắn đi trên thành sau của nó (đi ở thành trước)

D -Nó không mở rộng xuống dưới đại tràng ngang (sản n là mạc treo đại tràng ngang)

16 Tất cả mô tả sau đây về mạc nối bé đều đúng **trừ**

A -Bờ phải tự do của nó tạo nên một giới hạn của lỗ mạc nối Đ

B -Bờ phải tự do của nó chứa các thành phần của cuống gan Đ

C -Nó tạo nên thành trước của tiền đình túi mạc nối Đ

D- Nó bám vào phần xuống của tá tràng D1

17 (Case study) Nếu một nhiễm trùng bụng lan rộng sau phúc mạc , cấu trúc nào trong các cấu trúc sau dễ bị ảnh hưởng nhất ?

A- Dạ dày

B -Đại tràng ngang

C -Hồng tràng

D -Đại tràng xuống

18 Tất cả các động mạch sau đi qua mạc treo hoặc mạc nối để tới các cơ quan mà chúng cấp máu **trừ**

A -Động mạch đại tràng giữa

B -Các động mạch sigma

C -Động mạch tụy lưng (nhánh đầu của đm lách)

D -Động mạch mạc treo tràng trên

2 THÀNH BỤNG - ỔNG BỤNG

19 Mạc ngang góp phần vào cấu trúc nào trong các cấu trúc sau đây

A - Lỗ bẹn nông (2 chẽ cân cơ chéo bụng ngoài)

B - Lỗ bẹn sâu

C - Dây chằng bẹn (cân cơ chéo ngoài)

D - Thành trước của ống bẹn (cơ chéo ngoài)

20 Cấu trúc nào trong các cấu trúc sau được tạo nên bởi di tích của ống niệu rốn thời kì phôi thai

A - Nếp rốn trong (thùng đm rốn)

B - Dây chằng tròn của tử cung

C - Dây chằng bẹn (cơ chéo bụng ngoài)

D - Nếp rốn giữa

21 Mô tả nào trong các mô tả sau đây về dây chằng bẹn đúng

A- Nó được tạo nên bởi bờ dưới tự do của cơ chéo bụng trong (chéo ngoài)

B - Nó đi từ gai chậu trước trên tới củ ngò (gai chậu tới củ mu)

C - Nó tạo nên trần của ống bẹn (trần ống bẹn là liên bẹn do cân của cơ chéo trong và ngang bụng tạo nên)

D - Nó tạo nên sàn của ống bẹn (chuẩn cmnr)

22 Cấu trúc nào sau đây là một phần của , hay tạo nên bởi , cơ chéo bụng trong

A - Dây chằng khuyết

B - Dây chằng bẹn

C - Cơ bìu

D - Mạc tinh ngoài

Chéo ngoài :mạc tinh ngoài

Chéo trong : cơ bìu,mạc cơ bìu

Ngang bụng : mạc tinh trong

23 Mô tả nào trong các mô tả sau đây về cơ chéo bụng trong đúng

A - Nó tạo nên thành dưới ống bẹn (thành trên)

B - Cân của nó góp phần tạo nên thành sau ống bẹn (thành trên)

C - Cân của nó góp phần tạo nên liên bẹn (cùng vs cân của cơ ngang bụng)

D - Cân của nó góp phần tạo nên lá sau bao cơ thẳng bụng ở dưới đường cung (lá sau bao cơ thẳng bụng chỉ có duy nhất cân 1 cơ là cơ ngang bụng nhưng ở 3/4 trên mới có)

24 Cấu trúc nào trong các cấu trúc sau tạo nên thành trước ống bẹn

A - Mạc ngang (thành sau)

B - Cân của cơ ngang bụng (liên bẹn - trên)

C - Cân của cơ chéo bụng ngoài

D - Dây chằng khuyết (lỗ nông)

25 Một thoát vị bẹn gián tiếp xảy ra

A - Ở ngoài động mạch thượng vị dưới

B - Giữa động mạch thượng vị dưới và thành động mạch rốn (trực tiếp - hố bẹn trong)

C - Ở trong thành động mạch rốn (hố trên BQ - trực tiếp)

D - Giữa nếp rốn giữa và thừng động mạch rốn (như C)

26 Mô tả nào trong các mô tả sau đây về động mạch thượng vị dưới đúng

A- Nó nằm trong một thoát vị bẹn trực tiếp (ngoài)

B - Nó nằm ngoài và sau một thoát vị bẹn gián tiếp (trong của TV gián tiếp)

C - Nó là một nhánh của động mạch chậu trong (chậu ngoài)

D - Nó là một đường tuần hoàn bên khi có hẹp động mạch chủ (chuẩn CMNR khi hẹp đm chủ máu qua đm dưới đòn --> ngực trong --> thượng vị trên --> thượng vị dưới ---> chậu ngoài

27 Cân cơ chéo bụng ngoài góp phần vào tất cả các cấu trúc sau **trừ**

A - Liềm bẹn (của chéo trong vs ngang bụng)

B - Lá trước của bao cơ thẳng bụng

C - Thành trước của ống bẹn

D - Dây chằng bẹn

28 Tất cả mô tả sau đây về ống bẹn đều đúng , **trừ**

A - Nó tận cùng tại lỗ bẹn nông , trong cân cơ chéo bụng ngoài

B - Nó bắt đầu ở lỗ bẹn sâu , trong mạc ngang

C - Thành trước của nó chủ yếu do cân cơ ngang bụng và mạc ngang tạo nên (thành trc của chéo ngoài)

D - Nó là nơi đi qua của thừng tinh hoặc dây chằng tròn của tử cung

29 Tất cả các mô tả sau về một loại thoát vị bẹn trực tiếp đều đúng **trừ**

A- Nó đi vào ống bẹn qua thành sau của ống

B - Nó nằm ngoài động mạch thượng vị dưới (TV gián tiếp)

C - Nó có một lớp bọc vỏ bọc bằng phúc mạc

D - Nó có thể không đi xuống tới bìu

30 Các mô tả sau đây về ống bẹn đều đúng , **trừ**

A- Nó là một khe hở cân - cơ ở vùng bẹn bụng (thành bụng trước bên)

B- Nó ngắn hơn chiều dài của dây chằng bẹn

C - Vùng bẹn bụng nằm trong bờ ngoài cơ thẳng bụng (nằm ngoài)

D- Nó gồm 4 thành và 2 lỗ

31 Các mô tả sau đây về các thành ống bẹn đều đúng , **trừ**

A- Thành trên là liên bẹn hay gân kết hợp

B - Liên bẹn do cân cơ ngang bụng và cơ chéo bụng ngoài tạo thành

C - Thành trước là cân cơ chéo bụng ngoài

D - Thành dưới là dây chằng bẹn

32 Các mô tả sau đây về các thành sau ống bẹn đều đúng , **trừ**

A - Gồm mạc ngang , mô mỡ ngoài phúc mạc và phúc mạc

B - Có dây chằng gian hố tăng cường

C - Có 3 hố phúc mạc

D - Lỗ bẹn sâu nằm ở vùng hố bẹn trong

33 Thành phần nào sau đây không nằm ở thành sau ống bẹn ?

A - Dây chằng phản chiếu

B - Thừng động mạch rốn

C - Dây treo bàng quang

D - Động mạch thượng vị dưới

34 Các mô tả sau đây về giới hạn các hố phúc mạc trên thành sau ống bẹn đều đúng **trừ**

A - Hố trên bàng quang ở giữa nếp rốn giữa và nếp rốn trong

B - Hố bẹn trong ở ngoài nếp rốn trong

C - Hố bẹn ngoài ở giữa nếp rốn trong và nếp rốn ngoài (ngoài nếp rốn ngoài)

D - Hố bẹn ngoài nằm ở ngoài động mạch thượng vị dưới

35 Các mô tả sau đây về lỗ bẹn sâu đều đúng **trừ**

A - Nằm ở phía trên trung điểm dây chằng bẹn 1,5- 1,8 cm

B - Nằm ở hố bẹn ngoài

C - Nằm ở trong dây chằng liên hố (ngoài)

D - Là nơi các thành phần thừng tinh qui tụ để chui vào ống bẹn

36 Các mô tả sau đây về lỗ bẹn nông đều đúng **trừ**

A - Nằm trên củ mu khoảng 0,5 cm

B - Có độ rộng cho phép đút vừa ngón tay cái

C - Được vây quanh bởi các trụ , dây chằng phản chiếu và các sợi gian trụ của cân cơ chéo bụng ngoài

D - Thực chất là một lỗ hở ở cân cơ chéo bụng ngoài

37 Các mô tả sau đây về các loại thoát vị bẹn đều đúng **trừ**

A - Thoát vị gián tiếp xảy ra ngoài dây chằng liên hố

B - Thoát vị trực tiếp xảy ra ở trong động mạch thượng vị dưới

C - Thoát vị trực tiếp xảy ra từ hố trên bàng quang

D - Thoát vị gián tiếp xảy ra ở hố bẹn trong

38 Các mô tả sau đây về liềm bẹn đều đúng trừ

A - Do các sợi bám vào dây chằng bẹn của các cơ chéo bụng trong và ngang bụng tạo thành

B - Giữa liềm bẹn và nửa trong dây chằng bẹn có một khe hở cân cơ

C - Từ ngoài vào trong , nó nằm trên rồi đi ra sau ống bẹn

D - Nằm trên ống bẹn tại mức lỗ bẹn nông .

39 Các mô tả sau đây về thoát vị bẹn đều đúng trừ

A Thường hay xảy ra ở nữ giới (nam)

B hay gặp do thành bụng yếu

C được gọi là thoát vị nội thớ khi khối thoát vị nằm trong bao thớ thừng tinh

D nguyên tắc điều trị thoát vị làm hẹp khe hở giữa dây chằng bẹn và liềm bẹn

40 Các mô tả sau đây về các loại thoát vị bẹn đều đúng trừ

A Thoát vị bẩm sinh là do còn móm bọc (móm bọc không dính lại)

B thoát vị mắc phải là do thành bụng yếu

C thoát vị bẩm sinh là loại thoát vị nằm ngoài bao thớ thừng tinh

D thoát vị trực tiếp nằm ngoài bao thớ thừng tinh

41 Mô tả nào sau đây về ống bẹn đúng

A thành sau của nó do cơ thẳng bụng tạo nên

B thành trên của nó là dây chằng liên hố

C thành trước của nó là do cơ ngang bụng tạo nên

D thành dưới của nó là dây chằng bẹn

Câu 42: Các mô tả sau đây về ống bẹn đều đúng trừ

- A Nó đi sau rồi đi dưới nhóm sợi dưới của cơ chéo bụng trong .
- B nó đi sau cân cơ chéo bụng ngoài
- C nó đi sau mạc ngang (trước)**
- D đầu ngoài của nó nằm ngoài động mạch động mạch thượng vị dưới .

Câu 43: mô tả nào sau đây về thành sau của ống bẹn đúng

- A Hố bẹn trong nằm sát đường giữa thành bụng trước (hố trên BQ)
- B Thùng động mạch rốn đội phúc mạc lên thành nếp rốn giữa (nếp rốn trong)
- C động mạch thượng vị dưới đi lên giữa cơ ngang bụng và mạc ngang
- D lỗ bẹn sâu nằm ở đầu ngoài thành sau ống bẹn**

Câu 44: Các mô tả sau về ống bẹn đều đúng trừ

- A lỗ bẹn nông nằm ngay trên đầu trong dây chằng bẹn Đ
- B lỗ bẹn sâu là nơi các thành phần đi trong thùng tinh tùm lại để đi vào thùng tinh
- C chỉ có cân cơ chéo bụng ngoài tạo nên thành trước ống bẹn (một phần nhỏ cơ chéo trong nữa)**
- D dây chằng bẹn nằm dọc dưới đoạn thùng tinh trong ống bẹn

Đáp án Phúc Mạc + Thành bụng - ống bẹn

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1.	D	23	C
2	C	24	C
3	D	25	A
4	B	26	D
5	D	27	A
6	B	28	C

7	D	29	B
8	A	30	C
9	B	31	B
10	B	32	D
11	C	33	A
12	B	34	C
13	A	35	C
14	D	36	B
15	B	37	D
16	D	38	D
17	D	39	A
18	C	40	C
19	B	41	D
20	D	42	C
21	D	43	D
22	C	44	C

DẠ DÀY

Câu 45 : Dạ dày nằm ở tất cả các vùng sau trừ

- A Vùng thượng vị
- B Vùng hạ sườn trái
- C Vùng rốn
- D Vùng hạ sườn phải**

Câu 46: Mô tả nào sau đây về dung tích của dạ dày đúng.

- A rất thay đổi**
- B khoảng 100ml ở trẻ sơ sinh
- C khoảng 1500ml ở tuổi dậy thì
- D khoảng 2500 ml ở người trưởng thành

Câu 47 : Các mô tả nào sau đây về hình thể dạ dày khi rỗng đều đúng trừ

- A có hình chữ J
- B có hai thành trước sau
- C có khuyết góc nằm bên trái thực quản**
- D có hai bờ cong nhỏ và bờ cong lớn

Câu 48 : Đi theo chiều bờ cong lớn của dạ dày , thứ tự đúng của các phần của dạ dày là

- A đáy vị , phần môn vị , thân vị
- B khuyết tâm vị , đáy vị , môn vị
- C phần tâm vị , đáy vị , thân vị , phần môn vị**
- D hang môn vị , môn vị , đáy vị

Câu 49 : các mô tả sau đây về liên quan dạ dày đều đúng trừ

- A mặt trước dạ dày có 2 phần liên quan : phần trên và phần dưới bờ sườn trái
- B phần dạ dày dưới bờ sườn liên quan trước với thành bụng trước
- C đáy vị là phần cao nhất của dạ dày
- D mặt sau dạ dày liên quan với mặt dạ dày của lách qua túi mạc nối**

Câu 50 : Các mô tả sau đây về dạ dày đều đúng trừ

- A dọc theo bờ cong nhỏ có vòng động mạch bờ cong nhỏ

- B phần viền quanh đáy vị của bờ cong lớn có dây chằng vị - hoành bắm
- C phần bờ cong ở bờ trái thân vị có dây chằng vị lách bắm
- D dịch tràn ra từ lỗ thủng ở mặt trước dạ dày thường đổ vào túi mạc nối**

Câu 51 : động mạch nào sau đây không tham gia tạo thành vòng động mạch của dạ dày

- A ĐM vị mạc nối phải
- B ĐM vị mạc nối trái
- C ĐM vị sau**
- D ĐM vị trái

Câu 52 : Các mô tả sau đây về động mạch cấp máu cho dạ dày đều đúng trừ

- A Các đm vị trái và vị phải tạo nên vòng ĐM bờ cong bé
- B Các động mạch vị gần tách ra từ ĐM lách
- C đm vị mạc nối trái và động mạch vị gần tạo thành vòng động mạch bờ cong lớn**
- D đm vị sau tách từ động mạch lách

Câu 53 : Case study Một nhát dao nhỏ đâm thẳng từ trước ra sau ở vùng rốn có thể tổn thương tạng nào sau đây

- A đại tràng xuống
- B hỗng tràng**
- C gan
- D đại tràng lên

Câu 54 : thủng mặt trước dạ dày , dịch dạ dày thường đổ vào đâu ?

- A Tiền đình túi mạc nối
- B Túi mạc nối chính**

C ổ phúc mạc lớn

D ngách dưới túi mạc nối

Câu 55 : case suty một nạn nhân bị va đập mạnh vào vùng hạ sườn phải , tạng nào hay bị tổn thương

A dạ dày

B gan trái

C gan phải

D góc phải đại tràng

Câu 56 một va đập mạnh vào vùng hạ sườn trái tạng nào dễ vỡ

A Thận trái

B góc trái đại tràng

C lách

D dạ dày

Câu 57 : Mô tả nào sau đây về dạ dày đúng .

A mặt ngoài tâm vị hơi thắt lại do có cơ thắt tâm vị

B mặt trước của dạ dày tiếp xúc với cơ hoành , gan và thành bụng trước

C môn vị nằm trên đường giữa

D khuyết góc nằm giữa thực quản và đáy vị

Câu 58 : các mô tả sau đây về dạ dày đều đúng trừ

A dạ dày nằm giữa các mạc nối lớn và bé

B mặt sau dạ dày tựa lên giương dạ dày

C bờ cong lớn dạ dày có một phình ở phần thân vị

D tâm vị dạ dày nằm sau sụn sườn 7 trái

Câu 59 : mô tả nào sau đây về mạch máu của dạ dày đúng ?

- A nhánh thực quản động mạch vị trái ko chỉ cấp máu cho thực quản**
- B động mạch vị trái là một nhánh của động mạch gan chung
- C động mạch vị phải tách ra từ động mạch vị tá tràng
- D các động mạch vị ngắn đi tới dạ dày qua dây chằng vị hoành

Câu 60 : mô tả nào sau đây về dạ dày đúng

- A dạ dày chỉ nằm ở hai vùng hạ sườn trái và thượng vị
- B Các động mạch vị mạc nối phải và trái đi sát thành bờ cong lớn
- C hai đầu của dạ dày ở về hai phía của đường giữa**
- D các nhánh đm tới bờ cong nhỏ đều là nhánh trực tiếp từ đm thân tạng

Câu	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
45	D	53	B
46	A	54	C
47	C	55	B
48	C	56	C
49	D	57	B
50	D	58	C
51	C	59	A
52	C	60	C

Gan

Câu 61 : Thùy vuông của gan liên quan với tạng nào sau đây ?

- A Thận phải và góc đại tràng phải

- B đáy vị và thân vị
- C tụy và tá tràng
- D môn vị và phần trên tá tràng**

Câu 62 : thùy trái của gan không tiếp xúc với cấu trúc nào sau đây

- A vòm hoành trái
- B dạ dày
- C hỗng tràng**
- D thực quản

Câu 63 : thùy phải gan không liên quan đến cấu trúc nào sau đây

- A Phổi (qua cơ hoành)
- B thực quản**
- C góc đại tràng phải
- D tuyến thượng thận phải

Câu 64 : thành phần nào thường nằm trước nhất của gan ?

- A các ống gan phải và trái**
- B các động mạch gan phải và trái
- C các nhánh phải và trái của tĩnh mạch cửa
- D ống túi mật

Câu 65 : Nhú tá tràng lớn nằm ở phần nào của tá tràng

- A phần trên
- B phần xuống**
- C góc tá tràng dưới

D phần lên

Câu 66 : Mô tả nào sau đây về mặt hoành của gan đúng

- A phần trước của nó ngăn cách với phần trên bởi lá trên dây chằng vành
- B Phần trên nằm hoàn toàn dưới vòm hoành phải
- C vùng trần nằm bên phải rãnh tĩnh mạch chủ dưới**
- D phần phải của nó tiếp xúc trực tiếp với thành ngực

Câu 67 : Mô tả nào sau đây về vùng trần của gan đúng

- A giới hạn bên trái là khe dây chằng tĩnh mạch
- B giới hạn bên phải là rãnh tĩnh mạch chủ dưới
- C giới hạn dưới bởi lá dưới dây chằng vành**
- D ngăn cách với cơ hoành bởi một lá phúc mạc

Câu 68 : Mô tả nào sau đây về mặt tạng của gan đúng

- A khe dây chằng tròn đi từ khuyết dây chằng tròn tới đầu phải của gan
- B đầu sau trên hố túi mật là đầu trái của gan
- C thùy vuông nằm sau của gan
- D cửa gan đi từ đầu sau trên của hố túi mật tới đầu sau trên khe dây chằng tròn**

Câu 69 : Mô tả nào sau đây về mặt tạng của gan đúng

- A Ấn thận chiếm phần trước nhất ở thùy phải
- B ấn tá tràng nằm bên phải ấn thận
- C ấn dạ dày nằm sau ấn thực quản

D mỗm đuoi và mỗm nhú của thùy đuoi nằm sát cửa gan

Câu 70 : Mô tả nào sau đây về phúc mạc phủ gan đúng

- A phủ toàn bộ mặt hoành của gan trừ rãnh tĩnh mạch chủ dưới
- B phủ toàn bộ mặt tạng của gan trừ cửa gan
- C phúc mạc lật từ mặt hoành của gan lên cơ hoành tạo nên dây chằng hoành gan
- D phúc mạc phủ mặt tạng gan liên tiếp với các lá của mạc nối nhỏ**

Câu 71: Mô tả nào sau đây về dây chằng liềm đúng

- A là một nếp phúc mạc gồm hai lá liên tiếp với hai lá của mạc nối nhỏ
- B bờ lõm của nó dính vào cơ hoành
- C bờ lồi của nó dính vào mặt hoành của gan
- D bờ tự do của nó chứa dây chằng tròn của gan**

Câu 72 : mô tả nào sau đây về dây chằng vành đúng

- A phần phải của lá dưới liên tiếp với lá phải của dây chằng liềm
- B phần trái của lá trên liên tiếp với lá sau của mạc nối nhỏ
- C lá trên là ranh giới giữa phần trước và phần sau của mặt hoành
- D dây chằng tam giác phải là nơi gặp nhau của các lá trên phải và dưới phải của dây chằng vành**

Câu 73 : Các cấu trúc sau đây đều có vai trò giữ gan tại chỗ trừ

- A dây chằng liềm
- B dây chằng hoành gan

- C tĩnh mạch chủ dưới
- D dây chằng tĩnh mạch**

Câu 74 : Các mô tả nào sau đây về ống gan chung đều đúng trừ

- A Đi dọc bờ tự do của mạc nối nhỏ
- B đi bên phải động mạch gan riêng khi ở trong dây chằng gan tá tràng
- C đi ở trước tụy**
- D thường kết hợp với ống túi mật tạo thành ống mật chủ

Câu 75 : Những mô tả sau đây về túi mật đều đúng trừ

- A mặt trên dính với gan bởi mô liên kết
- B mặt dưới được phúc mạc phủ
- C nó có khả năng bài tiết dịch mật**
- D đáy của nó thường vượt qua bờ dưới gan

Câu 76 : các mô tả sau đây về túi mật đều đúng trừ

- A đáy của nó tiếp xúc với thành bụng trước
- B thân của nó liên tieepsm với cổ tại bờ phải của gan
- C cổ của nó chạy thẳng**
- D giữa cổ và ống túi mật có một chỗ thắt

Câu 77 : tĩnh mạch cửa không thu máu từ tĩnh mạch nào

- A tĩnh mạch vị trái

- B tĩnh mạch vị phải
- C Tĩnh mạch túi mật
- D tĩnh mạch cùng giữa**

Câu 78 : hệ tĩnh mạch cửa nối thông với các tĩnh mạch sau của hệ tĩnh mạch chủ trườ

- A các tĩnh mạch thực quản
- B tĩnh mạch trực tràng dưới
- C các tĩnh mạch thành bụng ở quanh rốn
- D đám rối tĩnh mạch hình dây leo**

Câu 79 : mô tả nào sau đây về hình thể ngoài và liên quan của gan đúng

- A Toàn bộ mặt hoành có phúc mạc che phủ
- B rốn gan nằm sau thùy đuôi
- C ấn đại tràng nằm ở mặt tạng của thùy trái
- D ngách gan thận nằm giữa gan và thận phải**

Câu 80 : Case study một nạn nhân bị va đập mạnh vào vùng hạ sườn phải , khám có đau bụng , huyết áp tụt , nghĩ tới chẩn đoán gì

- A chảy máu màng phổi phải
- B giập , vỡ gan**
- C tổn thương đại tràng ngang
- D chảy máu dạ dày

Câu 81 : case study : khi khám bụng , bác sĩ không sờ thấy bờ dưới gan , dữ kiện này cho thấy gì

- A gan không có khối u

- B gan không viêm
- C gan nhỏ
- D gan bình thường về kích thước trong khám lâm sàng**

Câu 82 : case study : khám bụng thấy có điểm đau tại chỗ giao giữa bờ dưới sườn phải và ngoài cơ thẳng bụng . nên nghĩ tới bệnh lí tạng nào

- A thùy gan phải
- B thùy gan trái
- C túi mật**
- D hành tá tràng

Câu 83 : Case study một bệnh nhân đau bụng thượng vị , nghĩ nhiều đến bệnh lí nào sau đây

- A gan và thận phải
- B dạ dày và gan**
- C hồng tràng và dạ dày
- D tá tràng và hồng tràng

Câu 84 : case study bệnh nhân có nôn ra máu tươi , có tiền sử xơ gan và không có viêm loét dạ dày : phổi bình thường . Nên nghĩ nhiều đến bệnh lí nào trong các khả năng sau :

- A chảy máu thực quản do tăng áp tĩnh mạch cửa**
- B chảy máu dạ dày
- C chảy máu đường mật
- D ung thư gan

Câu 85 : case study : một bệnh nhân có phù , gõ bụng thấy có nước trong ổ bụng , trên da bụng có nhiều tĩnh mạch nổi rõ ở quanh rốn . nên nghĩ tới nguyên nhân gì ?

- A tăng áp tĩnh mạch chủ trên
- B tăng áp tĩnh mạch cửa và tĩnh mạch cạnh rốn**
- C tăng áp tĩnh mạch chủ dưới
- D bệnh lý hệ tĩnh mạch

Câu 86 : mô tả nào sau đây về mặt hoành của gan đúng

- A toàn bộ diện tích mặt này tiếp xúc với cơ hoành
- B phần lớn mặt này có phúc mạc phủ**
- C mặt này có 4 phần : phải, trái , trước, sau
- D vùng trần của gan nằm ở bên trái rãnh tĩnh mạch chủ dưới

Câu 87 : mô tả nào sau đây về mặt tạng của gan đúng

- A ấn thận nằm ở phía sau và trên so với ấn đại tràng**
- B đầu sau của hố túi mật tiếp giáp với đầu trái của cửa gan
- C thùy vuông là vùng gan nằm sau cửa gan
- D thùy đuôi nằm ở bên trái khe dây chằng tĩnh mạch

Câu 88 : các mô tả nào sau đây về gan đều đúng , trừ

- A bờ dưới của gan ngăn cách phần trước và phần phải của mặt hoành với mặt tạng của gan
- B khuyết dây chằng tròn nằm ở đầu trước và dưới của khe dây chằng tròn
- C ấn tá tràng của gan nằm trên là vùng gan tiếp xúc với góc tá tràng trên
- D toàn bộ bờ dưới của gan nằm trên (cao hơn)bờ sườn phải .**

Câu 89 : mô tả nào sau đây về xá dây chằng của gan đúng

- A vùng gan nằm giữa các lá của dây chằng vành không có phúc mạc phủ**
- B giữa các lá của dây chằng vành , toàn bộ vùng gan không có phúc mạc phủ tiếp xúc trực tiếp với cơ hoành
- C lá trước và trên của dây chằng vành liên tiếp với hai lá của mạc nối nhỏ
- D lá sau và dưới của dây chằng vành đi liên tục từ dây chằng tam giác trái tới dây chằng tam giác phải

Câu 90 : mô tả nào sau đây về túi mật đúng

- A thân túi mật được treo vào gan bằng một mạc treo
- B đáy túi mật không vượt quá bờ dưới của gan
- C có một chỗ thắt giữa cổ và ống túi mật**
- D niêm mạc ống túi mật nhăn , không gấp nếp

Câu 91 : mô tả nào sau đây về các động mạch gan đúng

- A động mạch gan chung là nhánh của động mạch thân tạng**
- B động mạch gan chung tách ra động mạch vị tá tràng ở ngang bờ phải của tĩnh mạch cửa
- C trong mạc nối nhỏ , động mạch gan chung nằm ở bên phải ống mật chủ và ống gan chung
- D động mạch gan chung không cấp máu cho dạ dày

Câu 92 : các mô tả nào sau đây về động mạch của gan đều đúng trừ

- A nhánh phải động mạch gan riêng chia thành các nhánh cho các phân thùy của gan phải
- B nhánh phải động mạch gan riêng thường bắt chéo trước ống gan chung**
- C nhánh trái động mạch gan riêng phân nhánh vào các phân thùy của gan trái

D nhánh trái động mạch gan riêng thường không tách ra động mạch túi mật

Câu 93 : sự tiếp nối của -chủ tồn tại giữa tất cả các cặp tĩnh mạch sau trừ

- A các tĩnh mạch gan và tĩnh mạch chủ dưới**
- B tĩnh mạch trực tràng trên và tĩnh mạch trực tràng giữa
- C tĩnh mạch vị trái và tĩnh mạch thực quản của hệ tĩnh mạch đơn
- D tĩnh mạch cạnh rốn và tĩnh mạch thượng vị nông

Câu 94 : mô tả nào trong các mô tả sau về tĩnh mạch cửa đúng

- A nó được tạo nên ở sau cổ tụy bởi sự hợp lại của các tĩnh mạch lách và thận
- B nó đi trong cuống gan ở trước ống mật và động mạch gan riêng
- C nó đi trước lỗ mạc nối , trong bờ tự do của mạc nối bé**
- D nó không nhận nhánh nào ở trên nguyên ủy của nó

Câu 95 : tắc tĩnh mạch mạc treo tràng trên gây giãn tất cả các tĩnh mạch sau trừ

- A tĩnh mạch đại tràng giữa
- B tĩnh mạch đại tràng phải
- C tĩnh mạch tá tụy dưới
- D tĩnh mạch đại tràng trái**

Câu 96 tất cả các tĩnh mạch sau thuộc hệ thống cửa , trừ

- A tĩnh mạch đại tràng phải
- B tĩnh mạch trực tràng trên

C tĩnh mạch thượng thận phải

D tĩnh mạch lách

Câu 97 : một khối u ở cửa gan sẽ chèn ép tất cả các cấu trúc sau trừ

A động mạch gan phải

B các nhánh của tĩnh mạch cửa

C động mạch gan chung

D ống gan trái

Câu		Câu	
61	D	80	B
62	C	81	D
63	B	82	C
64	A	83	B
65	B	84	A
66	C	85	B
67	C	86	B
68	D	87	A
69	D	88	D
70	D	89	A
71	D	90	C
72	D	91	A
73	D	92	B
74	C	93	A
75	C	94	C
76	C	95	D
77	D	96	C

78	D	97	C
79	D		

THẬN

Câu 98 : các mô tả sau đây về thận đều đúng , trừ

- A kích thước thận khoảng 11cm ×6cm×3cm
- B nó có hai mặt , hai bờ , hai cực
- C thận trái cao hơn thận phải
- D trục của hai thận hoàn toàn song song với nhau**

Câu 99 : các mô tả sau đây về đối chiếu của thận đều đúng trừ

- A cực trên thận trái ngang mức xương sườn 11
- B cực trên thận phải ngang mức xương sườn 12
- C cực dưới thận cách đường giữa 5cm**
- D trung tâm rốn thận ngang mức bờ dưới mỏm gai đốt sống TL1

Câu 100 case study bệnh nhân vào viện với dấu hiệu thâm tím vùng hạ sườn trái do một va đập mạnh , huyết áp 90/60 mmHg , mạch nhanh , trong các nhóm tạng nào sau đây , nhóm nào dễ bị vỡ

- A lách và thận trái**
- B thận trái và góc đại tràng trái
- C đại tràng xuống và thận trái
- D góc trái đại tràng trái và lách

Câu 101 : trên một thiết đồ cắt ngang qua thận , đâu là thứ tự các lớp tính từ cơ thành bụng sau đến nhu mô thận

- A mỡ quanh thận , lá sau mạc thận , mỡ cạnh thận và bao xơ
- B mỡ quanh thận , mỡ cạnh thận , bao xơ , lá sau mạc thận
- C mỡ cạnh thận , bao xơ , mỡ quanh thận , lá sau mạc thận
- D mỡ cạnh thận , lá sau mạc thận , mỡ quanh thận , bao xơ**

Câu 102 : liên quan của tầng ngực mặt sau thận lần lượt từ sâu ra nông là

- A cơ hoành ,ngách sườn hoành màng phổi , các xương sườn 11+12 với bên trái , 11 với bên phải)**
- B ngách sườn hoành màng phổi , các xương sườn , cơ hoành
- C cơ hoành , phổi , góc sườn hoành màng phổi
- D phổi , cơ hoành , các xương sườn

Câu 103 : các mô tả sau đây về liên quan mặt trước của thận đều đúng , trừ

- A thận phải liên quan với gan , phần xuống tá tràng , góc đại tràng phải
- B phần trên mặt trước thận trái liên quan với dạ dày , tụy , tuyến thượng thận trái và lách
- C phần dưới mặt trước thận trái liên quan với góc đại tràng trái , đại tràng xuống và hồng tràng
- D thận phải liên quan với phần xuống tá tràng thông qua một ngách của ổ phúc mạc**

Câu 104 : mặt sau tầng thất lưng của thận liên quan qua thể mỡ cạnh thận với những cơ sau đây trừ

- A cơ thất lưng lớn

B các cơ dựng sống

C cân cơ ngang bụng

D cơ vuông thắt lưng

Câu 105 : các đường tới thận hay bề thận sau đây đều hợp lí , trừ

A qua thành bụng trước và ổ phúc mạc

B qua vùng thắt lưng và thành bụng sau , không qua phúc mạc

C qua ngực và cơ hoành

D qua đường bài tiết (niệu đạo , bàng quang , niệu quản) bằng nội soi

Câu 106 : các mô tả sau đây về liên quan bờ trong của thận đều đúng trừ

A ở trên rốn thận với tuyến thượng thận và các cuống mạch của nó

B rốn thận là nơi bề thận đi từ trong thận ra , có bề thận ở sau , các mạch thận ở trước

C dưới rốn thận , bờ trong liên quan với niệu quản và các mạch cho tuyến sinh dục

D bờ trong của hai thận có liên quan giống nhau

Câu 107 : các mô tả sau đây về cấu tạo của thận đều đúng trừ

A các cột thận thuộc vùng tủy

B tháp thận thuộc vùng tủy

C mô đạo vỏ thuộc vùng vỏ

D trên nhú thận có diện sàng

Câu 108 : thành phần nào sau đây không thuộc Nephron

A tiểu thể thận

B ống góp

C ống lượn gần

D ống lượn xa

Câu 109 : thành phần nào sau đây không thuộc xoang thận

A đài thận nhỏ

B nhú thận

C đài thận lớn

D bể thận

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
98	D	104	B
99	C	105	C
100	A	106	D
101	D	107	A
102	A	108	B
103	D	109	B

NIỆU QUẢN

Câu 110 : các mô tả nào sau đây về niệu quản đều đúng , trừ

A đi từ bể thận tới bàng quang

B dài 38 cm , đường kính 3-5 mm

C có 2 đoạn bụng và đoạn chậu hông

D có 3 chỗ hẹp

Câu 111 : nơi nào không là chỗ hẹp của niệu quản

- A nơi niệu quản bắt chéo động mạch chậu ngoài hay chậu chung
- B nơi niệu quản tiếp theo với bể thận
- C nơi niệu quản bắt chéo sau động mạch tử cung hay ống dẫn tinh**
- D nơi niệu quản xuyên qua thành bàng quang

Câu 112 đối chiếu lên thành bụng điểm niệu quản giữa nằm ở vị trí nào

- A chỗ nối các đoạn 1/3 ngoài và 2/3 trong đường nối từ gai chậu trước trên tới rốn
- B điểm giữa đường nối từ gai chậu trước trên tới củ mu
- C chỗ nối đoạn 1/3 ngoài và 1/3 giữa đường nối hai gai chậu trước trên**
- D điểm nối đoạn 1/3 ngoài và 1/3 giữa đường nối từ gai chậu trước trên tới củ mu

Câu 113 các mô tả nào sau đây về liên quan của niệu quản đều đúng trừ

- A niệu quản nằm trước cơ thắt lưng lớn
- B niệu quản bắt chéo phía sau các động mạch chậu ngoài hoặc chung**
- C niệu quản bắt chéo phía sau các mạch tuyến sinh dục
- D niệu quản nam bắt chéo phía sau ống dẫn tinh

Câu 114 : các mô tả sau đây về liên quan của niệu quản đoạn chậu hông đều đúng trừ

- A khúc thành chậu hông đi từ đường cung tới ngang gai ngồi
- B khúc qua sàn chậu hông (khúc tạng) đi từ ngang gai ngồi tới chỗ xuyên vào bàng quang

C liên quan khúc qua sàn chậu hông khác nhau giữa nam và nữ

D niệu quản nữ bắt chéo trước động mạch tử cung cách cổ tử cung 1,5 cm

Câu 115 : các mô tả sau đây về liên quan của niệu quản ở đoạn chậu hông và trong thành bàng quang đều đúng trừ

A niệu quản nam bắt chéo phía sau - dưới ống dẫn tinh

B nó chạy xuyên chéo thành bàng quang trên một đoạn dài khoảng 2,2 cm

C 2 lỗ niệu quản cách nhau khoảng 2,5 cm khi bàng quang rỗng

D niệu quản nữ đi trước buồng trứng

Câu 116 : các vị trí sau đây sỏi niệu quản thường bị kẹt lại trừ

A nơi bể thận nối với niệu quản

B điểm nằm giữa mào chậu và đường cung xương chậu

C nơi niệu quản bắt chéo các động mạch chậu

D nơi niệu quản xuyên qua thành bàng quang

TỬ CUNG, ÂM ĐẠO

Câu 117 : đặc điểm nào sau đây của buồng tử cung đúng

A buồng tử cung thông với ống cổ tử cung qua lỗ trong mô học

B các góc bên của buồng tử cung nằm ở đầu trong đoạn eo vòi tử cung

C buồng tử cung có hình trụ

D buồng tử cung có hình tam giác trên mặt đứng cắt ngang

Câu 118 : mô tả đúng về ống cổ tử cung là

A ống có hình tam giác trên mặt cắt đứng ngang

- B trên mỗi thành bên của ống có một gờ dọc là
- C lỗ ngoài tử cung thông giữa âm đạo và ống cổ tử cung**
- D nếp lá cọ có ở cả ống cổ tử cung và buồng tử cung

Câu 119 : mô tả đúng về phúc mạc của tử cung là

- A bọc các bờ bên của thân tử cung
- B liên tiếp với phúc mạc vòi tử cung**
- C phủ hết mặt trước thân và cổ tử cung
- D ở mặt sau nó phủ xuống tới eo tử cung thì lật lên phủ mặt trước trực tràng

Câu 120 : mô tả đúng về cấu tạo tử cung là

- A lớp cơ rỗng (đan chéo) tác dụng cầm máu sau đẻ**
- B thân tử cung có 2 lớp cơ
- C cổ tử cung có lớp cơ vòng ở ngoài , cơ dọc ở trong
- D lớp cơ rỗng có cả ở thân và cổ tử cung

Câu 121 mô tả đúng về niêm mạc buồng (thân) tử cung là

- A liên tiếp và giống với niêm mạc vòi tử cung
- B có độ dày biến đổi theo chu kì kinh nguyệt**
- C liên tiếp và giống với niêm mạc âm đạo
- D giống với niêm mạc phần ba duvois ống cổ tử cung

Câu 122 : các mô tả sau đây về dây chằng rộng đều đúng , trừ

- A nó đi từ bờ bên tử cung tới thành sau chậu hông**

B nó gồm ba phần là mạc treo buồng trứng , mạc treo vòi tử cung và mạc treo tử cung

C nó phủ lên dây chằng tròn của tử cung

D bờ trên của nó ôm lấy vòi tử cung

Câu 123 : mô tả đúng về dây chằng rộng là

A mặt trước của nó bị dây chằng riêng buồng trứng đội lên thành một nếp

B mặt sau của nó bị dây chằng tròn đội lên thành 1 nếp

C động mạch tử cung và niệu quản đi qua nền của nó

D nó được nối với buồng trứng bằng dây chằng treo buồng trứng

Câu 124 : mô tả đúng về các dây chằng của cổ tử cung là

A dây chằng tử cung đi từ mặt sau cổ tử cung đến mặt trước xương cùng

B dây chằng ngang cổ tử cung có ít ý nghĩa về lâm sàng

C dây chằng mu - cổ tử cung đi qua dây chằng rộng

D nếp tử cung - trực tràng do các dây chằng ngang cổ tử cung đội lên

Câu 125 các mô tả sau đây về động mạch tử cung đều đúng , trừ

A nó có nguyên ủy từ động mạch chậu trong

B nó bị niệu quản bắt chéo trước cách cổ tử cung 1,5 cm

C đoạn thành bên chậu hông của nó là giới hạn của hố buồng trứng

D ngoài tử cung , nó cấp máu cả những cơ quan khác trong chậu hông

Câu 126 mô tả đúng về các cơ quan sinh dục trong ở nữ giới

A đầu trên âm đạo bám vào quanh eo tử cung

B eo tử cung là phần thấp nhất tử cung

C buồng trứng có cả chức năng nội tiết và ngoại tiết

D bóng vòi có chức năng hứng trứng

Câu 127 . mô tả đúng về tử cung là

A tử cung thường gấp và ngã ra sau

B bờ bên tử cung có dây chằng rộng bám

C cổ tử cung là phần nằm giữa eo và thân

D đáy tử cung là phần thấp nhất của tử cung

Câu 128 mô tả đúng về buồng trứng là

A hai mặt của buồng trứng là mặt trong và ngoài

B mặt trong nằm áp vào hố buồng trứng

C bề mặt sần sùi trong suốt cuộc đời

D chỉ được cấp máu bởi động mạch buồng trứng

Câu 129 : các mô tả sau đây về hố buồng trứng đều đúng , trừ

A giới hạn sau là động mạch chậu trong và niệu quản

B giới hạn trước là thành động mạch rốn

C động mạch tử cung đi từ hố buồng trứng , động mạch chậu ngoài đi trên

D sau mỗi lần có chửa , buồng trứng bị lệch khỏi hố buồng trứng rồi lại trở lại hố

Câu 130 : bờ trước của buồng trứng là nơi bám của thành phần nào sau đây ?

A dây chằng rộng

B mạc treo vòi trứng

C mạc treo buồng trứng

D dây chằng riêng buồng trứng

Câu 131 : cấu trúc nào sau đây không giữ buồng trứng tại chỗ ?

A mạc treo buồng trứng

B dây chằng treo buồng trứng

C dây chằng riêng buồng trứng

D dây chằng tròn

Câu 132 : các mô tả sau đây về vòi tử cung đều đúng trừ

A được dây chằng rộng bao phủ

B có hai đầu là đầu ngoài và đầu trong

C mở vào buồng tử cung lại lỗ tử cung của vòi

D không thông với phúc mạc

Câu 133 : sự thụ tinh thường xảy ra ở đoạn nào của vòi tử cung

A phễu vòi

B eo vòi

C bóng vòi

D phần tử cung của vòi

Câu 134 : đoạn nào của vòi tử cung thường là nơi diễn ra sự thụ tinh

A phễu vòi

B phần tử cung của vòi

C eo vòi

D bóng vòi

Câu 135 : các mô tả sau đây về thân tử cung đều đúng , trừ

- A hai mặt của thân tử cung là mặt bàng quang và mặt ruột
- B hai bờ bên tử cung không có phúc mạc che phủ
- C hai góc bên thân tử cung gọi là sừng

D đây là phần thấp nhất

Câu 136 : các mô tả sau về bờ bên thân tử cung đều đúng , trừ

- A là nơi phúc mạc tử cung liên tiếp với dây chằng rộng
- B được che phủ bởi phúc mạc**
- C động mạch tử cung chạy dọc theo bờ bên thân tử cung
- D ngăn cách với đáy tử cung bởi sừng tử cung

Câu 137 : cấu trúc nào sau đây không bám vào sừng tử cung

- A dây chằng tử cung - cùng**
- B dây chằng tròn
- C dây chằng riêng buồng trứng
- D vòi tử cung

Câu 138 : mô tả đúng về cổ tử cung là

- A cổ tử cung được che phủ toàn bộ bởi phúc mạc
- B ở mặt trước phần âm đạo dài hơn phần trên âm đạo
- C trục cổ tử cung hợp với trục âm đạo một góc chín mươi độ
- D đầu trên âm đạo bám quanh cổ tử cung theo đường chéo ra trước và xuống dưới**

Câu 139 : các mô tả sau đây về đại tràng lên đều đúng trừ

- A nó đi từ chỗ tiếp nối với manh tràng tới dưới mặt tạng của gan phải
- B có một rãnh giữa đại tràng lên và thành bụng bên
- C dài khoảng 15 cm
- D khi lên tới mặt tạng của gan , nó hướng đột ngột sang trái và ra sau góc đại tràng phải**

Câu 140 mô tả đúng về đại tràng lên là

- A nó dài khoảng 20 cm
- B nó được phúc mạc bọc ở tất cả các mặt
- C mặt sau của nó dính với cực trên thận phải
- D nó có thể có mạc treo ngắn ở một số trường hợp**

Câu 141 : các mô tả sau đây về đại tràng ngang đều đúng , trừ

- A nó dài hơn đại tràng lên
- B đầu phải của nó thấp hơn đầu trái
- C nó thường nằm ở phần duodeno vùng rốn
- D toàn bộ chiều dài của đại tràng ngang di động được**

Câu 142 : những mô tả nào sau đây về các góc của đại tràng đều đúng , trừ

- A góc đại tràng phải nằm ở ngoài phần xuống tá tràng
- B góc đại tràng phải nằm dưới thùy gan phải , trước thận phải
- C góc đại tràng trái nằm ở vùng thất lưng trái**
- D góc đại tràng trái nằm ở dưới lách và trước thận trái

Câu 143 : mô tả đúng về đại tràng xuống là

- A nó có chiều dài lớn hơn đại tràng lên**
- B nó nằm nông hơn đại tràng lên
- C nó là đoạn đại tràng di động được ở phần lớn trường hợp
- D mặt sau của nó không có các mạch thần kinh bất chéo

Câu 144 các mô tả sau đây về đại tràng sigma đều đúng , trừ

- A nó là đoạn ruột già nằm giữa đại tràng xuống và trực tràng
- B nó thường dài hơn đại tràng lên
- C nó được cấp máu bởi động mạch mạc treo tràng dưới
- D nó là đoạn đại tràng cố định**

Câu 145 : các mô tả nào sau đây về trực tràng đều đúng , trừ

- A nó đi từ ngang mức đốt sống cùng 3 tới ngang mức hơi ở dưới đỉnh xương cụt
- B nó đi theo một đường cong lõm ra trước
- C nó không có các bướu , túi thừa mạc nối và dải sán như ở các đoạn của đại tràng
- D các mặt bên của trực tràng hoàn toàn không có phúc mạc che phủ**

Câu 146 mô tả đúng về liên quan trước của trực tràng là

- A ở nam : liên quan qua túi cùng trực tràng bàng quang với tuyến tiền liệt , ống dẫn tinh và phần dưới túi tinh
- B ở nam : phần dưới phúc mạc liên quan với phần trên đáy bàng quang

C ở nữ : liên quan qua túi cùng bàng quang - tử cung với tử cung , phần trên âm đạo và các thành phần chưa trong túi cùng

D ở nữ : phần nằm dưới túi cùng liên quan với đáy bàng quang

Câu 147 : mô tả đúng về trực tràng là

A trong lòng trực tràng có hai nếp ngang : nếp trên và nếp dưới

B phúc mạc phủ 2/3 trên mặt trước trực tràng

C theo chiều giữa - bên , trực tràng có hai đường cong , một lồi sang phải , một lồi sang trái

D trực tràng ngắn hơn đại tràng lên , phần trên của nó có đường kính bằng đại tràng sigma

Câu 148 : mô tả đúng về manh tràng là

A nó nằm dưới mặt phẳng gian củ , ngoài mặt phẳng bên phải và trên nửa ngoài dây chằng bẹn

B nó có chiều cao lớn hơn bề ngang

C thần kinh sinh dục đùi nằm giữa mặt sau của nó và cơ chậu

D mặt trước của nó được nối với phúc mạc thành bụng bởi các nếp phúc mạc

Câu 149 : các mô tả sau đây về van hồi manh tràng đều đúng , trừ

A lỗ hồi tràng là chỗ mà lòng hồi tràng mở thông vào ruột già

B lỗ hồi tràng nằm ở 2 cm trên chỗ ruột thừa đổ vào manh tràng

C lỗ hồi tràng nằm trong nhú hồi tràng (còn gọi là van hồi manh tràng)

D nhú hồi tràng gồm hai môi : môi trước và môi sau

Câu 150 : các mô tả sau đây về vị trí của ruột thừa đều đúng trừ

A ở sau manh tràng và phần duwois đại tràng lên

- B nằm trước hoặc sau đoạn tận của hồi tràng
- C treo trên vành chậu hông , sát với buồng trwungs phải của nữ
- D nằm trước manh tràng**

Câu 151 : mô tả đúng về vị trí của ruột thừa là

- A vị trí chiều lên thành bụng trước của gốc ruột thừa nằm ở điểm giữa của đường nối gai
- B vị trí chiều lên thành bụng trước của gốc ruột thừa nằm ở điểm nối đoạn 1/3 giữa và đoạn 1/3 trên trong của đường nối gai chậu trước trên bên phải với rốn
- C chiều dài ruột thừa rất biến đổi**
- D gốc ruột thừa bám vào mặt trước trong manh tràng

Câu 152 : các mô tả sau đây về phần xuống tá tràng đều đúng trừ

- A nó thường là phần dài nhất của tá tràng**
- B mặt trước của nó liên quan với đầu phải của đại tràng ngang
- C mặt sau của nó dính với mặt trước thận phải
- D nó nằm giữa các góc tá tràng trên và dưới

Câu 153 các mô tả sau đây về các phần ngang và lên của tá tràng đều đúng . trừ

- A phúc mạc phủ mặt trước phần ngang tá tràng lật lên mạc treo ruột non
- B phần ngang tá tràng nằm trước động mạch chủ bụng và nằm sau động mạch mạc treo tràng trên
- C phần lên tá tràng chạy lên ở bên trái động mạch chủ bụng , tận cùng ở ngang bờ trên thân đốt sống thắt lưng 3**
- D phần ngang đi dưới đầu tụy , trước thân đốt sống thắt lưng 3

Câu 154 : các mô tả sau đây về phần trên của tá tràng đều đúng trừ

A đoạn gần môn vị (nửa trái) của phần trên phình to thành bóng (hay hành) tá tràng

B liên quan sau với ống mật chủ

C liên quan trước với thùy đuôi của gan

D bóng tá tràng nằm giữa mạc nối nhỏ với mạc nối lớn

Câu 155 mô tả đúng về ruột non là

A nó có đường kính tăng dần về phía đầu tận cùng

B chiều dài của nó ở người trưởng thành đang sống nhỏ hơn chiều dài khi chết nhưng lớn hơn chiều dài ở xác ngâm formalin

C đoạn hồi tràng dài hơn đoạn hồi tràng

D toàn bộ ruột non di động được

Câu 156 : các mô tả sau đây về tá tràng đều đúng trừ

A nó bắt đầu tại môn vị và kết thúc tại góc tá hồi tràng

B nó được phúc mạc bọc ít hơn các đoạn khác của ruột non

C niêm mạc trên mặt sau trong phần xuống tá tràng có hai nhú tá tràng

D nhú tá tràng lớn nằm ở chỗ nối 2/3 dưới với đoạn 1/3 trên của phần xuống tá tràng

Câu 157 : các mô tả sau đây về sự cấp máu cho tá tràng đều đúng trừ

A mặt sau tá tràng và đầu tụy được cấp máu bởi động mạch tá - tụy trên sau và nhánh sau của động mạch tá - tụy dưới

B mặt trước tá tràng và đầu tụy do động mạch tá tụy trên trước và nhánh trước của động mạch tá - tụy dưới cấp máu

C động mạch tá tụy trên sau là nhánh của động mạch gan

D động mạch tá tụy trên trước tiếp nối với động mạch tụy lưng

Câu 158 : mô tả nào sau đây về hồng tràng đúng

- A luôn có một ranh giới rõ giữa hồng tràng và hồi tràng
- B hồng tràng có ít nếp vòng của niêm mạc hơn hồi tràng
- C hồng tràng có nhiều nang bạch huyết chùm hơn hồi tràng
- D phần lớn hồng tràng nằm ở vùng rốn**

Câu 159 : mô tả nào sau đây về hồng tràng đúng

- A nó nằm chủ yếu ở vùng hạ vị và trong chậu hông
- B nó tận cùng tại chỗ nối manh tràng với đại tràng lên , tại nhú hồi tràng
- C nó có đường kính trên 4cm**
- D nó có thành mỏng hơn thành hồng tràng

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
110	B	135	D
111	C	136	B
112	C	137	A
113	B	138	D
114	D	139	D
115	D	140	D
116	B	141	D
117	D	142	C
118	C	143	A
119	B	144	D
120	A	145	D
121	B	146	C
122	A	147	D

123	C	148	A
124	A	149	D
125	B	150	D
126	C	151	C
127	B	152	A
128	A	153	C
129	D	154	C
130	C	155	B
131	D	156	D
132	D	157	C
133	C	158	D
134	D	159	C

CÂU HỎI ĐÚNG SAI CÓ THÂN CHUNG

1 Về ống bện

Câu hỏi	Đúng	Sai
Thành sau của nó có sự tham gia của các thành phần trong mô ngoài phúc mạc	X	
Thành trên của nó là dây chằng bện		X
Thành trước của nó không có sự tham gia của cơ chéo bụng trong		X
Đầu trong (gần đường giữa hơn) của nó là lỗ bện nông	X	

Từ lỗ bẹn sâu đến lỗ bẹn nông , nó lần lượt nằm sau , nằm dưới rồi nằm trước liềm bẹn	X	
Thành trước của nó chỉ gồm cân cơ chéo bụng ngoài		X
Nó đi sau mạc ngang		X
Đầu ngoài của nó nằm ngoài động mạch thượng vị dưới và dây chằng liên hố	X	
Về thành sau ống bẹn		
Hố bẹn trong được ngăn cách với đường giữa bởi hố trên bàng quang	X	
Thùng động mạch rốn đối phúc mạc lên thành nếp rốn ngoài		X
Động mạch thượng vị dưới đi lên giữa cơ ngang bụng và cơ chéo bụng trong		X
Lỗ bẹn sâu nằm ngoài lỗ bẹn nông	X	
Lỗ bẹn nông nằm ngay trên củ mu	X	
Theo chiều từ bìu lên bụng , lỗ bẹn sâu là nơi các thành phần đi trong thùng tinh bắt đầu phân tán	X	
Chỉ có cân cơ chéo bụng tạo nên thành trước ống bẹn		X

Dây chằng bẹn nằm dọc dưới đoạn thường tĩnh trong ống bẹn	X	
Mạc nối nhỏ		
Bờ gan của nó bám vào các mép của khe dây chằng tĩnh mạch	X	
Nó liên tiếp với phúc mạc của hành tá tràng	X	
Nó chứa tất cả các thành phần đi ra khỏi gan		X
Nó liên tiếp với lá trên dây chằng vành		X
Nó được ngăn cách với động mạch chủ bụng và tĩnh mạch chủ dưới bởi tiền đình túi mạc nối	X	
Nó là thành trước của tiền đình túi mạc nối	X	
Nó gồm các phần nối từ gan tới hành tá tràng và dạ dày , mỗi phần được gọi là một dây chằng	X	
Bờ phải của nó nằm trước tĩnh mạch chủ dưới	X	
Bờ phải của nó nằm trước tĩnh mạch chủ dưới	X	
Về tiền đình túi mạc nối		
Phía trái của nó có lỗ thông với phần chính của túi mạc nối	X	

Nó thông ở bên phải với ổ phúc mạc (túi lớn) qua lỗ nếp môn vị - tụy		X
Thành trên nó là thùy đuôi của gan	X	
Thành dưới của nó là bờ trên khối tá tụy và mạc dính tá tụy	X	
Về túi mạc nối chính		
Nó có một ngách hướng về phía lách	X	
Nó là khoang mà qua đó dạ dày liên quan với thân tụy và động mạch lách	X	
Thành dưới của nó là đại tràng ngang và mạc treo đại tràng ngang	X	
Nó có hai đường vào bằng lỗ tự nhiên		X
Về túi mạc nối		
Trong các tạng vây quanh nó có thận phải		X
Giới hạn trên của thành phần chính túi mạc nối là dây chằng vị hoành	X	
Bờ trên của phần chính túi mạc nối là chỗ gặp nhau của các thành trước và sau	X	
Nó không có ngách mở rộng xuống dưới đại tràng ngang		X

<p>Về dạ dày</p> <p>1 . mặt ngoài tâm vị hơi thắt lại do có cơ thắt tâm vị Sai</p> <p>2 .mặt trước của dạ dày tiếp xúc với cơ hoành , gan và thành bụng trước .. Đúng</p> <p>3 . môn vị nằm bên trái đường giữa Sai</p> <p>4 Khuyết tâm vị nằm giữa thực quản và đáy vị Đúng</p> <p>5 . nó nằm giữa các mạc nối lớn và bé Đúng</p> <p>6 mặt sau dạ dày tựa lên giương dạ dày Đúng</p> <p>7 chỗ phình trên bờ cong lớn nằm đối diện với khuyết góc bờ cong nhỏ Đúng</p> <p>8 tâm vị của dạ dày nằm sau sụn sườn 6 trái Sai</p> <p>9 nhánh thực quản của động mạch vị trái không cấp máu cho dạ dày Sai</p> <p>10 . động mạch vị trái là một nhánh của động mạch thân tạng Đúng</p> <p>11 động mạch vị phải là nhánh bên cuối cùng của động mạch gan chung Đúng</p> <p>12 các động mạch vị ngắn đi tới dạ dày qua dây chằng vị hoành Sai</p>		
Dạ dày nằm ở ba vùng , hạ sườn trái , rốn và thượng vị	X	
Các động mạch vị mạc nối phải và trái đi sát thành bờ cong lớn		X
Hai đầu của dạ dày ở về hai phía của đường giữa	X	
Các động mạch vị phải và trái đều là những nhánh trực tiếp động mạch thân tạng		X
Về mặt hoành của gan		

Một phần nhỏ bề mặt của mặt này tiếp xúc với thành bụng trước	X	
Trừ vùng trần , phần lớn mặt này có phúc mạc phủ	X	
Mặt này có 4 phần : phải , trái , trước sau		X
Vùng trần của gan nằm ở bên trái rãnh tĩnh mạch chủ dưới		X
Về mặt tạng của gan		
ấn đại tràng nằm ở phía trước và dưới so với ấn thận	X	
Đầu sau của hố túi mật tiếp giáp với đầu phải của cửa gan	X	
Thùy vuông là vùng gan nằm giữa hố túi mật và khe dây chằng tròn	X	
Thùy đuôi nằm ở trước cửa gan		X
Về gan		
Bờ dưới của gan ngăn cách phần sau của mặt hoành với mặt tạng của gan		X
Khuyết dây chằng tròn của gan nằm ở đầu trước và dưới của khe dây chằng tròn	X	
Ấn tá tràng ở thùy phải (mặt hoành) của gan là vùng gan tiếp xúc với góc tá tràng trên	X	

Toàn bộ bờ dưới của gan đi trên bờ sườn phải		X
Về dây chằng của gan		
Vùng gan nằm giữa các lá của dây chằng vành chứa rãnh tĩnh mạch chủ dưới	X	
Tĩnh mạch chủ dưới cùng các tĩnh mạch gan đổ vào nó là một phương tiện giữ gan	X	
Lá trước và lá trên của dây chằng vành không liên tiếp với hai lá của dây chằng liềm		X
Lá sau và dưới của dây chằng vành không liên tiếp với mạc nối nhỏ		X
Về túi mật		
Mặt trên thân túi mật không có phúc mạc phủ , dính vào hố túi mật ở mặt dưới gan	X	
Đáy túi mật không vượt qua bờ dưới gan		X
Có một chỗ thắt giữa ống và cổ túi mật	X	
Niêm mạc ống túi mật có các nếp xoắn	X	
Về động mạch gan riêng		

Nhánh phải động mạch gan riêng chia thành các nhánh cho phân thùy trước , phân thùy sau của gan phải	X	
Nhánh phải động mạch gan riêng thường bắt chéo trước ống gan chung		X
Các nhánh phải và trái của động mạch gan riêng đều cấp máu cho thùy đuôi	X	
Nhánh trái động mạch gan riêng thường tách ra động mạch túi mật		X
Về đại tràng lên		
Nó dài hơn đại tràng xuống		X
Có 1 rãnh giữa đại tràng lên và thành bụng bên	X	
Thần kinh bì đùi ngoài bắt chéo sau đại tràng lên	X	
Khi lên tới mặt tạng , nó hướng đột ngột sang trái và ra trước tại góc đại tràng phải	X	
Về đại tràng lên		
Nó dài hơn đại tràng ngang		X
Nó không được phúc mạc bọc ở mặt sau	X	
Mặt sau của nó dính với mặt trước cực dưới thận phải	X	
Nó có mạc treo ở một số ít trường hợp	X	
Về đại tràng ngang		
nó ngắn hơn đại tràng xuống		X
Đầu phải của nó cao hơn đầu trái		X
Nó đi theo một đường cong mà chiều lõm hướng xuống dưới	X	
Đoạn đi trước phần xuống tá tràng của đại tràng ngang là đoạn cố định	X	
Về các góc đại tràng		
Góc đại tràng phải nằm ở ngoài phần xuống tá tràng	X	
Góc đại tràng phải nằm dưới ấn đại tràng của gan	X	
Góc đại tràng trái nằm ở vùng hạ sườn trái	X	

Góc đại tràng trái còn được gọi là góc lách	X	
Về đại tràng xuống		
Nó có chiều dài nhỏ hơn đại tràng lên		X
Nó nằm sâu hơn đại tràng lên	X	
Mặt trước của nó liên quan với các quai ruột non	X	
Mặt sau của nó có nhiều mạch và thần kinh bất chéo	X	

Về đại tràng sigma	Đúng	Sai
Nó là đoạn cuối của đại tràng	X	
Nó thường dài hơn đại tràng lên	X	
Nó được cấp máu bởi động mạch mạc treo tràng trên		X
Nó là đoạn đại tràng cố định		X

Về trực tràng		
Đầu dưới của nó ở dưới mức đỉnh xương cụt	X	
Nó đi theo đường cong của mặt trước xương cùng	X	
Nó có các bướu , túi thừa mạc nối và dải sán như các đoạn của đại tràng		X
Các mặt sau trực tràng hoàn toàn không có phúc mạc phủ	X	
Về liên quan trực tràng		
Liên quan sau của trực tràng ở nam và nữ giống nhau	X	
ở nam : phần dưới phúc mạc liên quan với phần dưới đáy bàng quang và tuyến tiền liệt	X	
ở nữ : phần có phúc mạc phủ ngăn cách với tử cung và phần ba trên âm đạo bởi túi cùng bàng quang tử cung	X	
ở nữ : ở dưới đường lật phúc mạc liên quan trước với 2/3 dưới âm đạo	X	

Về trực tràng		
Trong lòng trực tràng có ba nếp gấp ngang hình liềm : nếp trên ,nếp giữa và nếp dưới	X	
Phúc mạc phủ ½ trên mặt trước trực tràng	X	
Theo chiều giữa bên trực tràng có ba đường cong bên : hai lồi sang phải , một lồi sang trái	X	
Trực tràng dài hơn đại tràng lên		X
Về manh tràng		
Nó nằm ở hố chậu phải	X	
Nó có chiều cao nhỏ hơn bề ngang (rộng)	X	
Thần kinh bì đuôi ngoài nằm giữa mặt sau của nó và cơ chậu	X	
Mặt sau của nó được nối với phúc mạc thành các nếp sau manh tràng	X	
Về van hồi –manh tràng (nhú hồi tràng)		
Lỗ hồi tràng là chỗ thông từ lòng hồi tràng vào ruột già	X	
Lỗ hồi tràng nằm ở 4 cm trên chỗ ruột thừa đổ vào manh tràng		X
Lỗ hồi tràng nằm giữa các môi của nhú hồi tràng	X	
Nhú hồi tràng gồm 2 môi : môi hồi đại tràng và môi hồi manh tràng	X	
Về vị trí của ruột thừa		
ở dưới manh tràng	X	
Nằm trước hoặc sau đoạn tận của hồi tràng	X	
Treo trên vành chậu hông phải , sát với buồng trứng phải của nữ	X	
Nằm sau manh tràng và phần dưới đại tràng lên	X	
Về vị trí và kích thước của ruột thừa		
Vị trí chiếu lên thành bụng trước của gốc ruột thừa nằm ở điểm nối 1/3 giữa và 1/3 dưới ngoài của đường nối gai	X	

chậu trước trên bên phải với rốn		
Vị trí chiếu lên thành bụng trước của gốc ruột thừa nằm ở điểm 1/3 giữa và đoạn 1/3 trên trong của đường nối gai chậu trước trên bên phải với rốn		X
Chiều dài ruột thừa biến đổi từ 10 đến 15 cm		X
Gốc của nó bám vào mặt sau trong manh tràng , dưới đầu tận của hồi tràng khoảng 2 cm	X	
Về phần xuống tá tràng		
Nó dài hơn phần ngang tá tràng		X
Mặt trước của nó liên quan với mặt tạng của gan và đoạn đầu đại tràng ngang	X	
Mặt sau của nó dính với mặt trước thận phải	X	
Nó nằm giữa các góc tá tràng trên và dưới	X	
Về phần ngang và phần lên tá tràng		
Rễ mạc treo ruột non bắt chéo trước phần ngang tá tràng	X	
Phần ngang tá tràng nằm giữa động mạch chủ bụng và ở sau động mạch mạc treo tràng trên ở trước	X	
Phần lên tá tràng chạy lên , tận cùng ở ngang bờ trên thân đốt sống thắt lưng 3		X
Phần ngang đi dưới đầu tụy , trước thân đốt sống thắt lưng 3	X	
Về phần trên tá tràng		
Đoạn gần môn vị của phần trên phình to thành bóng tá tràng	X	
Liên quan sau với ống mật chủ , tĩnh mạch của và động mạch vị tá tràng	X	
Liên quan trước với thùy vuông của mặt tạng của gan	X	
Bóng tá tràng nằm giữa mạc nối nhỏ và mạc nối lớn	X	

Về ruột non		
--------------------	--	--

Nó có đường kính tăng dần về phía đầu tận cùng		X
Chiều dài của nó ở người trưởng thành đang sống nhỏ hơn chiều dài khi chết nhưng lớn hơn chiều dài ở xác ngâm formalin	X	
Đoạn hồng tràng dài hơn đoạn hồi tràng		X
Toàn bộ ruột non di động được		X
Về tá tràng		
Nó bắt đầu tại môn vị và kết thúc tại góc tá hồng tràng	X	
nó được phúc mạc bọc ít hơn các đoạn khác của ruột non	X	
Niêm mạc trên mặt sau trong phần xuống tá tràng có hai nhú tá tràng	X	
nhú tá tràng lớn nằm ở đoạn 1/3 trên của phần xuống tá tràng		X
Về sự cấp máu cho tá tràng		
Mặt sau tá tràng và đầu tụy được cấp máu bởi động mạch tá tụy trên sau và nhánh sau của động mạch tá tụy dưới	X	
Mặt trước tá tràng và đầu tụy do động mạch tá tụy trên trước và nhánh trước của động mạch tá tụy dưới cấp máu	X	
Động mạch tá tụy trên sau là nhánh tận của động mạch vị tá tràng		X
Động mạch tá tụy trên trước là một trong hai nhánh tận của động mạch vị tá tràng	X	
Về hồng tràng		
Luôn có một ranh giới rõ giữa hồng tràng và hồi tràng		X
Hồng tràng có ít nếp gấp vòng của niêm mạc hơn hồi tràng		X
Hồng tràng có nhiều nang bạch huyết chùm hơn hồi tràng		X
Phần lớn hồng tràng nằm ở vùng rốn	X	
Về hồi tràng		
Nó nằm chủ yếu ở vùng hạ vị trong chậu hông	X	

Nó tận cùng tại chỗ nối manh tràng với đại tràng lên . tại nhú hồi tràng	X	
Nó có đường kính nhỏ hơn hồng tràng	X	
Nó có thành mỏng hơn thành hồng tràng	X	

Câu hỏi trắc nghiệm chi dưới

1. Case study : nếu ổ cối bị gãy ở bờ sau trên của nó , xương nào sau đây bị gãy
- A xương cánh chậu và xương mu
 - B xương ngồi và xương mu
 - C xương cánh chậu và xương ngồi**
 - D xương mu và xương cánh chậu

2 mô tả đúng về dây chằng bắt chéo trước của khớp gối là

- A nó trở nên căng trong lúc gấp chân
- B nó cản lại sự di lệch ra sau của xương đùi trên xương chày**
- C nó bám vào lồi cầu trong xương đùi
- D nó cản lại sự gấp quá mức của cẳng chân

3 dây chằng nào quan trọng trong việc ngăn cản sự trượt ra trên xương chày khi gối đang chịu trọng lực ở tư thế gấp

- A dây chằng chêm đùi trước
- B dây chằng bên mác
- C dây chằng khoe chéo
- D dây chằng chéo sau**

4 những mô tả sau về xương đùi là đúng trừ

- A trục cổ xương đùi thường tạo với trục xương đùi một góc lớn hơn 145 độ**
- B chỏm xương đùi có một hõm ở gần đỉnh chỏm
- C máu chuyển lớn có một hố ở mặt trong
- D hai máu chuyển nối với nhau bằng đường gian máu

5 những mô tả sau về xương chày là đúng trừ

A mặt trước trong của nó kéo dài xuống dưới và liên tiếp với mắt cá trong

B nó có hai mặt khớp trên tiếp khớp với hai lồi cầu xương đùi qua sụn chêm

C lồi củ chày là chỗ khó sờ thấy

D nó có một đường gờ chéo ở mặt sau thân xương cho cơ dẹt bám

6 điểm nằm giữa hai cặp mốc nào sau đây được coi là điểm giữa bẹn

A gai chậu trước trên và bờ trên khớp mu

B gai chậu trước trên và củ mu

C gai chậu trước trên và mào mu

D gai chậu trước trên và lược xương mu

7 các mô tả sau đây về xương chậu đều đúng trừ

A các gai chậu (trước trên , trước dưới , sau trên , sau dưới đều thuộc xương cánh chậu

B củ mào chậu nằm gần gai chậu sau trên hơn là gần gai chậu trước trên

C đường cung chia mặt trong xương cánh chậu thành hai phần

D mặt ngoài xương cánh chậu được gọi là mặt mông

8 các mô tả sau về xương đùi đều đúng trừ

A mào gian máu nằm ở mặt trước đầu gần (trên) xương đùi

B trục của thân xương đùi chạy chéo xuống dưới và vào trong

C mặt (diện) khoeo nằm giữa các đường trên lồi cầu trong và ngoài

D củ cơ khép nằm ở đầu xa (đầu dưới) của đường trên lồi cầu trong

9 các mô tả sau về xương chày đều đúng trừ

A lồi gian lồi cầu nằm giữa hai mặt khớp trên

B mặt khớp với chỏm xương mác nằm trên lồi cầu ngoài xương chày

C đường cơ dẹt nằm ở dưới chỗ bám tận của cơ khoeo

D mắt cá trong nằm ở trong xương sên

10 mô tả đúng về xương sên là

- A mặt trước chỏm xương sên tiếp khớp với xương hộp
- B mặt dưới xương sên có hai mặt khớp và xương gót
- C hai mặt bên và mặt trên thân xương sên đều có mặt khớp**
- D nó có hai phần là chỏm và thân

Câu 11: cơ nào sau đây có thể gấp đùi và duỗi cẳng chân ?

- A cơ bán màng
- B cơ may
- C cơ thẳng đùi**
- D cơ thon

Câu 12 : cơ nào sau đây có gân nằm trong một rãnh ở mặt dưới xương hộp ?

- A cơ mác ba
- B cơ mác ngắn
- C cơ mác dài**
- D cơ chày sau

Câu 13 các cơ sau đây đều có thể gấp gan chân (trừ gấp bàn chân) , trừ

- A cơ gấp ngón chân cái dài
- B cơ gấp các ngón chân dài
- C cơ chày sau
- D cơ gấp các ngón chân ngắn**

Câu 14: mất khả năng duỗi cẳng chân tại khớp gối là dấu hiệu của liệt

- A cơ bám gân
- B cơ may
- C cơ thon
- D cơ tứ đầu đùi**

Câu 15 : cơ nào sau đây có thể gấp mu chân (tức duỗi bàn chân) và nghiêng bàn chân vào trong

- A cơ mác dài

B cơ duỗi ngón cái dài

C cơ duỗi các ngón dài

D cơ móc ba

Câu 16 : mô tả đúng về lỗ gân cơ khép là

A nó là một khe xẻ giữa cơ khép dài và cơ khép lớn

B nó là lỗ trong gân cơ khép dài

C nó là nơi đi qua của thần kinh cơ bịt

D nó là đầu dưới của ống cơ khép

Câu 17 : mô tả đúng về cơ tứ đầu đùi là

A nó có 4 đầu nguyên ủy đều bám vào xương đùi

B nó chỉ có tác dụng duỗi căng chân tại khớp gối

C nó có tác dụng đối kháng với các cơ vùng đùi sau

D nó do thần kinh bịt chi phối

Câu 18 : mô tả nào sau đây về các cơ vùng cẳng chân sau đúng

A không cơ nào do nhánh của động mạch khoeo cấp máu

B chúng đều có đầu nguyên ủy bám vào xương chày và xương mác

C chúng đều có nhánh của thần kinh chày chi phối

D chúng phủ kín mặt trong xương chày

Câu 19 : các mô tả sau đây về cơ hông to đều đúng trừ

A có nguyên ủy bám vào mào chậu và xương cùng

B trườn lên mặt sau thần kinh ngồi

C bám tận vào hố máu chuyển

D do thần kinh hông dưới chi phối

Câu 20 : những mô tả sau về cơ thắt lưng chậu đều đúng trừ

**A có nguyên ủy bám vào các đốt sống thắt lưng và bám tận vào xương
xương chậu**

B có tác dụng gấp đùi vào thân

- C do một nhánh của đám rối thắt lưng và một nhánh từ thần kinh đùi vận động
- D có liên quan đến thần kinh đùi (mạc bọc cơ bọc cả thần kinh đùi)

Câu 21 : các cơ sau đây đều trực tiếp góp phần giữ vững khớp gối trừ

- A cơ dẹt**
- B cơ bán màng
- C cơ may
- D cơ nhị đầu

Câu 22 : các thành phần sau đây trực tiếp tạo nên thành của ống cơ khép trừ

- A mạc rộng khép (mạc phủ mặt sâu cơ may)
- B cơ rộng trong
- C cơ khép dài
- D cơ thon**

Câu 23 : ống cơ khép chứa tất cả các cấu trúc sau đây trừ

- A nhánh gối xuống của động mạch đùi
- B nhánh thần kinh chi phối cơ rộng trong
- C thần kinh hiển
- D tĩnh mạch hiển lớn**

Câu 24 : nếu có mất cảm giác da và liệt cơ ở phần trong của gan chân , thần kinh nào sau đây bị tổn thương

- A tk bắp chân
- B thần kinh chày**
- C tk mác nông
- D tk mác sâu

Câu 25 : cử động nào sau đây bị ảnh hưởng trầm trọng nhất bởi liệt tk mác sâu

- A gấp gan chân (gấp bàn chân)
- B gấp mu chân (duỗi bàn chân)**

- C giàng các ngón chân
- D ngiêng ngoài bàn chân

Câu 26 tổn thương tk đùi dẫn tới

- A liệt cơ thắt lưng lớn
- B mất cảm giác da ở bờ ngoài bàn chân
- C mất cảm giác vùng da phủ trên mấu chuyển lớn
- D liệt cơ may**

Câu 27 : thần kinh nào sau đây chi phối cơ bịt ngoài

- A tk đùi
- B tk ngồi
- C nhánh sau thần kinh bịt**
- D nhánh trước thần kinh bịt

Câu 28 : khi thần kinh mác chung bị đứt ở hố khoeo nhưng tk chày vẫn còn nguyên vẹn , bàn chân sẽ bị

- A gấp gan chân và nghiêng trong**
- B gấp mu chân và nghiêng ngoài
- C gấp mu chân và nghiêng trong
- D gấp gan chân và nghiêng ngoài

Câu 29 mất khả năng gấp cẳng chân có thể dẫn đến tổn thương của tất cả các thần kinh sau trừ

- A phần chày của tk ngồi
- B phần mác chung của tk ngồi
- C tk mác sâu**
- D tk đùi

Câu 30 những mô tả sau đây về tk ngồi đều đúng trừ

- A nó là thần kinh lớn nhất cơ thể
- B nó không chi phối cơ vùng đùi sau**
- C nó là một thần kinh hỗn hợp (vừa vận động vừa cảm giác)

D nó chạy sau cơ khép lớn

Câu 31 : các cấu trúc sau đều đi dưới hãm gân duỗi trên hoặc dưới cổ chân trừ

A tk mạc sâu

B cơ duỗi các ngón chân dài

C động mạch mu chân

D tk mạc nông

Câu 32 : mô tả đúng về tĩnh mạch hiển lớn là

A đi lên sau mắt cá trong

B đổ vào tĩnh mạch khoeo

C đổ vào tĩnh mạch chậu ngoài

D đi lên lần lượt ở mặt trong cẳng chân , gối và đùi

Câu 33 : đứt dây chằng chỏm đùi dẫn đến tổn thương nào một nhánh động mạch nào sau đây

A động mạch mũ đùi trong

B động mạch mũ đùi ngoài

C động mạch bịt

D động mạch hông trên

Câu 34 : gãy cổ xương đùi ở người lớn dẫn tới hoại tử vô mạch chỏm xương đùi do thiếu sự cấp máu từ

A các động mạch bịt và hông dưới

B các động mạch hông trên và đùi

C các động mạch hông dưới và hông trên

D các động mạch mũ đùi ngoài và trong

Câu 35 mô tả đúng về động mạch khoe là

A nó là thành phần nằm ngoài cùng trong số ba thành phần đi qua hố khoeo

B nó có thể thắt được mà cẳng chân không bao giờ bị hoại tử nhờ vòng nối quanh khớp gối

C nó chạy theo đường nối góc trên với góc dưới trám khoeo

D nó chạy sát trên mặt sau cơ khoeo và tận cùng tại bờ dưới cơ này

Câu 36 : nhánh của tất cả các động mạch sau góp phần vào mạng mạch khớp gối trừ

A động mạch mũ đùi ngoài

B động mạch đùi

C động mạch mũ đùi trong

D động mạch chày trước

Câu 37 những mô tả sau đây về động mạch đùi đều đúng trừ

A nó là một nhánh động mạch mà ta có thể sờ thấy mạch đập ở tam giác đùi

B nó nằm giữa tk đùi và tĩnh mạch đùi lúc đi qua tam giác đùi

C nó có nhánh nối với những nhánh của các động mạch chậu ngoài và trong

D nó chạy dọc theo đường kẻ nối điểm giữa nếp benj với điểm giữa xương bánh chè

Câu 38 : những mô tả sau về các động mạch mông trên và dưới đều đúng trừ

A chúng là nhánh của động mạch chậu trong

B chúng đều cấp máu cho cơ mông lớn

C chúng đều đi qua khuyết ngồi lớn ở trên cơ hình quả lê

D chúng đều đi cùng với một thần kinh cùng tên

Câu 39 : những mô tả sau về động mạch chày trước đều đúng trừ

A có toàn bộ chiều dài nằm ở vùng cẳng chân trước

B chạy theo một đường kẻ nối hõm trước xương mác với điểm nằm giữa hai mắt cá

C chạy trong khe giữa các cơ vùng cẳng chân trước

D tiếp nối với các động mạch mu chân, chày sau và mác ở quanh hai mắt cá

Câu 40 : những mô tả sau đây về động mạch chày sau đều đúng trừ

A đi cùng thần kinh chày

B đi xuống giữa cơ dép (ở sâu) và cơ bẹn chân (ở nông)

C có thể sờ thấy mạch đập lúc đi giữa mắt cá trong và bờ trong gân gót

D tận cùng bằng các động mạch gan chân trong và ngoài

Câu 41 : các mô tả sau đây về động mạch mu chân đều đúng trừ

A bắt đầu ở trước khớp cổ chân

B là sự tiếp tục của động mạch chày trước

C tách ra động mạch mắt cá trước ngoài

D tận cùng bằng động mạch gan chân sâu và động mạch mu đốt bàn chân thứ nhất

Câu 42 tất cả các động mạch sau đây tham gia vào vòng nối chữ thập của đùi , trừ

A động mạch mũ đùi trong

B động mạch mũ đùi ngoài

C động mạch mông trên

D động mạch mông dưới

Câu 43 : những mô tả sau đây về tĩnh mạch hiển lớn đều đúng trừ

A nó là tĩnh mạch nông dài nhất cơ thể

B nó bắt đầu từ đầu trong cung tĩnh mạch mu chân

C nó luôn đi trước mắt cá trong

D nó không tiếp nối với tĩnh mạch hiển bé và các tĩnh mạch sâu

Câu 44 mô tả đúng về các cơ ở ngăn đùi trong là

A cơ lược tham gia tạo nên thành sau ống cơ khép

B cơ khép lớn tham gia tạo nên tam giác đùi

C các cơ lược , khép dài và khép ngắn có thể gấp đùi

D tất cả các cơ của nhóm này bám tận vào xương đùi

Câu 45 : cơ nào sau đây không do thần kinh bịt chi phối

A cơ may

B cơ khép lớn

C cơ khép dài

D cơ thon

Câu 46 : các mô tả sau về cơ vùng đùi trước đều đúng trừ

A các cơ vùng này được ngăn cách với cơ vùng đùi sau bởi các vách gian cơ đùi ngoài và đùi trong

B được chi phối bởi đám rối thần kinh thắt lưng

C mỗi cơ trong vùng đều có đầu nguyên ủy bám vào các xương chi dưới

D chỉ có ba cơ của vùng này gây nên các cử động của khớp gối

Câu 47 : các mô tả sau về cơ tứ đầu đùi đều đúng trừ

A nó được chi phối bởi các nhánh từ phần sau thần kinh đùi

B cả bốn đầu nguyên ủy của nó đều bám vào xương đùi

C nó có thể tham gia gấp đùi

D nó là cơ duỗi căng chân

Câu 48 : các mô tả sau về tam giác đùi đều đúng trừ

A từ ngoài vào , sàn tam giác là các cơ lược , thắt lưng chậu và khép dài

B trần tam giác do da và mạc đùi tạo nên

C cạnh trong của tam giác là bờ trong cơ khép dài

D các mạch đùi đi vào tam giác từ phía đáy tam giác

Câu 49 : mô tả đúng về ống cơ khép là

A nó đi từ dây chằng bẹn đến lỗ gân cơ khép

B thành sau của nó được tạo bởi một cơ khép là cơ khép lớn

C nó chứa hai nhánh của thần kinh đùi

D thành trước trong của nó là cơ rộng trong

Câu 50 : mô tả đúng về các cơ vùng đùi sau là

A chúng đều có nguyên ủy từ ụ ngồi

B chúng đều bám tận vào xương chày

C chúng đều có thể duỗi đùi và gấp căng chân

D chúng nằm sau cơ khép lớn và cơ rộng ngoài

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	C	26	D
2	B	27	C
3	D	28	A
4	A	29	C
5	C	30	B
6	A	31	D
7	B	32	D
8	A	33	C
9	B	34	D
10	C	35	D
11	C	36	C
12	C	37	D
13	D	38	C
14	D	39	A
15	B	40	B
16	D	41	C
17	C	42	C
18	C	43	D
19	C	44	C
20	A	45	A
21	A	46	C
22	D	47	B
23	D	48	A
24	B	49	C
25	B	50	D

Câu 51 : cơ nào sau đây không thể duỗi đùi

A cơ bán màng

B cơ bán gân

C cơ mông to

D đầu gối cơ nhị đầu

Câu 52 : các mô tả sau về các cơ vùng mông đều đúng trừ

A hầu hết có tác dụng giạng đùi

B không có cơ nào có tác dụng gấp đùi trừ cơ căng mạc đùi

C tất cả đều bám tận vào xương đùi

D đều do các nhánh của đám rối cùng chi phối trừ cơ bịt ngoài

Câu 53 : các mô tả sau về các cơ vùng mông đều đúng trừ

A cơ mông nhỏ không bị che phủ hoàn toàn bởi cơ mông lớn

B không cơ nào có đầu nguyên ủy bám vào xương đùi

C chúng được cấp máu bởi các nhánh của động mạch chậu trong

D trừ ba cơ mông và cơ căng mạc đùi , các cơ còn lại đều xoay trong đùi

Câu 54 : mô tả đúng về các cơ vùng cẳng chân sau là

A cơ dẹt là cơ gấp cẳng chân

B tất cả có tác dụng nghiêng trong bàn chân

C tất cả đều bám tận vào các xương bàn chân

D tất cả do thần kinh chày chi phối

Câu 55 : các mô tả sau đây về các cơ vùng cẳng chân trước đều đúng , trừ

A các động tác duỗi bàn chân và ngón chân của chúng đối kháng với các cơ vùng cẳng chân sau

B có 1 cơ có động tác hiệp đồng với cơ lớp sâu vùng cẳng chân sau

C chúng đều do nhánh mạc nông của thần kinh mạc chung chi phối

D chúng được ngăn cách với các cơ vùng cẳng chân ngoài bằng 1 vách gian cơ .

Câu 56 : mô tả đúng về các cơ vùng cẳng chân trước là

A đầu nguyên ủy cơ chày trước bám vào lồi cầu trong và nửa trên mặt trong xương chày

B gân cơ duỗi các ngón chân dài bám tận vào các ngón chân 1 tới 4

C gân cơ duỗi ngón chân cái dài bám vào mặt mu của nền đốt gần ngón cái

D gân các cơ vùng này phải đi dưới các hãm gân cơ duỗi ở cổ chân .

Câu 57 : các mô tả sau đây về cơ vùng cẳng chân sau đều đúng trừ

A cơ dép có nguyên ủy từ cả xương chày và xương mác

B cơ bụng chân là cơ duy nhất có nguyên ủy từ xương đùi

C nguyên ủy cơ gấp ngón chân cái dài : bám vào mặt sau thân xương mác

D nguyên ủy cơ gấp các ngón chân dài : bám vào mặt sau thân xương chày

Câu 58 : các mô tả sau đây về các cơ mác dài và ngắn đều đúng trừ

A chúng có động tác gấp gan chân

B chúng là các cơ nghiêng ngoài bàn chân

C chúng đều có nguyên ủy từ mặt ngoài xương mác

D chúng không có tác dụng giữ vững vòm gan chân

Câu 59 : các mô tả sau về động mạch đùi đều đúng trừ

A nhánh mũ đùi ngoài của nó đi sau cơ thẳng đùi

B nhánh mũ đùi trong của nó đi giữa cơ thắt lưng lớn và cơ lược

C nó đi trước các cơ: thắt lưng lớn , lược , khớp dài và khớp lớn

D nó bắt chéo trước thần kinh hiển ở trong ống cơ khép

Câu 60 “ các câu sau về động mạch đùi đều đúng trừ

- A nó chạy tiếp theo động mạch chậu ngoài bắt đầu từ sau dây chằng bẹn
- B từ trên xương cơ may bắt chéo trước động mạch từ ngoài vào trong
- C nó tiếp nối với động mạch khoeo tại bờ dưới cơ khép dài**
- D nhánh gối xuống là nhánh duwois cùng của động mạch đùi

Câu 61 : mô tả đúng về động mạch đùi sâu là

- A nó tách ra từ động mạch đùi ở ngang dây chằng bẹn
- B nó là nguồn cấp máu chính cho các cơ đùi**
- C nó tận cùng bằng động mạch khoeo
- D vòng nối chữ thập được tạo nên do các nhánh của động mạch đùi sâu với động mạch bịt

Câu 62 : mô tả đúng về nhánh bên và tiếp nối của động mạch đùi là

- A nhánh mũ chậu nông của nó tiếp nối với nhánh thượng vị dưới của động mạch chậu ngoài
- B nhánh thượng vị nông của nó tiếp nối với nhánh mũ chậu sâu của động mạch chậu ngoài
- C các nhánh của động mạch đùi sâu tiếp nối với nhánh của các động mạch hông và động mạch khoeo**
- D động mạch hiển là nhánh tách ra trực tiếp từ động mạch đùi

Câu 63 : mô tả đúng về động mạch khoeo là

- A đoạn giữa của nó không bị cơ che phủ ở mặt sau**
- B từ đỉnh khoeo đi xuống , tk chày càng lúc càng xa dần khỏi động mạch
- C từ động mạch khoeo nằm trước và trong động mạch
- D tk mác chung nằm trong động mạch

Câu 64 các mô tả sau đây về động mạch khoeo đều đúng trừ

- A đoạn dưới và đoạn trên của nó bị các cơ che phủ ở mặt sau
- B nó nằm sau bao khớp gối và diện khoeo
- C nó tách ra nhánh cơ , các nhánh bì và các nhánh gối
- D nó tiếp nối với 1 nhánh quặt lên từ động mạch mác**

Câu 65 : động mạch nào duwois đâykhông tham gia vào mạng mạch quanh gối và bánh chè

- A động mạch gối giữa**
- B các động mạch gối trên
- C động mạch gối dưới
- D các động mạch quặt ngược chày trước và sau

Câu 66 : mô tả đúng về động mạch chày trước

- A nó tách ra từ động mạch khoeo ở ngang đường khớp gối
- B nó đi theo đường kẻ nối lồi củ chày với 1 điểm ở mặt trước cổ chân , giữa hai mắt cá
- C nó luôn đi sát mặt trước màng gian cốt
- D nó tách ra nhánh đầu tiên lúc đi trong ngăn cơ căng chân sau .**

Câu 67 : các mô tả sau về động mạch chày trước đều đúng trừ

- A ở trên nó đi giữa cơ chày trước và cơ duỗi các ngón chân dài
- B ở dưới , nó đi giữa cơ chày trước và cơ duỗi ngón chân cái dài
- C nó đi cùng thần kinh mác sâu
- D nó bắt chéo trước gân cơ duỗi ngón chân cái dài từ ngoài vào trong**

Câu 68 : các mô tả sau về động mạch chày sau đều đúng trừ

- A nó đi xương giữa hai lớp cơ vùng căng chân sau
- B nó nằm sâu dưới cơ tam đầu và mạc ngang sâu căng chân
- C phân dưới căng chân , mặt sau động mạch chỉ có mạc và da che phủ
- D nó tận cùng ở điểm nằm cách đều mắt cá trong và củ gót ngoài**

Câu 69 : các mô tả sau về sự tiếp nối của động mạch chày sau đều đúng trừ

- A nhánh mắt cá ngoài của động mạch mác tiếp nối với nhánh cổ chân ngoài của động mạch mu chân
- B nhánh xuyên của động mạch mác tiếp nối với nhánh mắt cá trước ngoài của động mạch chày trước
- C nhánh mũ mác tiếp nối với nhánh gối dưới trong của động mạch khoeo**

D nhánh mắt cá trong của động mạch chày sau tiếp nối với các nhánh của các động mạch chày trước và mu chân ở mạng mạch mắt cá trong

Câu 70 : mô tả đúng về động mạch mu chân

A nó tận cùng ở khoảng kẽ giữa các ngón chân 1 và 2

B nó đi ở phía trong gân cơ gấp ngón chân cái dài

C nó tận cùng bằng cách chia thành động mạch mu đốt bàn chân thứ nhất và động mạch gan chân sâu

D nó không có nhánh nào tham gia vào các mạng mạch mắt cá

Câu 71 : các mô tả sau về tk đùi đều đúng trừ

A nó tách ra các nhánh bì tới mặt trước và trong của đùi

B nó được tạo nên bởi nhánh trước của các ngành trước các tk tl 2-4

C nó chi phối các cơ duỗi căng chân và gấp đùi

D nó có nhánh cảm giác mặt trong của gối , căng chân và bàn chân

Câu 72 : mô tả đúng về tk đùi là

A nó không có liên quan với cơ thắt lưng và cơ chậu

B nhánh hiển của tk đùi tách ra từ cùng 1 thân với các nhánh tới cơ tứ đầu

C nó chứa các sợi từ các thần kinh TL 1-3

D Nó là nhánh lớn thứ hai của đám rối thắt lưng

Câu 73 mô tả đúng về đám rối thắt lưng là

A các sợi từ ngành trước thần kinh thắt lưng TL1 tham gia tạo nên tk bì đùi ngoài

B toàn bộ ngành trước thần kinh TL4 tham gia đám rối thắt lưng

C đám rối nằm giữa các phần của cơ thắt lưng

D đám rối chi phối tất cả các cơ đùi

Câu 74 : các mô tả sau về đám rối thắt lưng đều đúng , trừ

A nó có thể bị tổn thương do một áp xe cơ thắt lưng chậu

- B nó chi phối một phần cho các cơ thành bụng
- C nó chi phối các cơ khép đùi và một cơ xoay ngoài đùi
- D nó không chi phối cơ nào tham gia duỗi đùi**

Câu 75 : các mô tả sau về thần kinh bịt đều đúng trừ

- A nó phân nhánh tới các khớp hông và gối
- B nhánh trước của nó chi phối cho 1 vùng da ở mặt trong đùi
- C nó không chi phối cơ bịt ngoài**
- D nó hiện ra ở bờ trong cơ thắt lưng lớn

Câu 76 : mô tả đúng về thần kinh bịt là

- A nó chứa các sợi từ các thần kinh TL 3-5
- B Nó chia thành hai nhánh tận trước khi chui qua lỗ bịt**
- C nhánh sau của nó chi phối cơ khép dài
- D nhánh trước của nó chi phối cơ bịt ngoài

Câu 77 : mô tả đúng về đám rối cùng là

- A nó chỉ được tạo nên bởi các sợi từ ngành trước các thần kinh cùng
- B tất cả các thần kinh cùng tham gia cấu tạo đám rối này
- C nó nằm ở thành bên chậu hông cùng niệu quản
- D nó nằm trước cơ hình quả lê và liên quan với các mạch mông (đúng như ảnh)**

Câu 78 các mô tả sau về đám rối cùng đều đúng trừ

- A nó chi phối tất cả cá cơ gập đùi
- B nó chi phối tất cả các cơ duỗi đùi
- C nó chi phối hầu hết các cơ xoay ngoài đùi
- D nó chi phối tất cả các cơ vùng mông**

Câu 79 mô tả đúng về các nhánh của đám rối cùng là

A tk tới các cơ vuông đùi và sinh đôi dưới do các sợi sau của các nhánh TL 4,5 và cùng 1 tạo nên

B tk mông dưới chi phối cơ mông to và cơ mông nhỏ

C tk cơ hình quả lê do các sợi sau của nhánh trước thần kinh cùng 1 tạo nên

D tk tới các cơ sinh đôi trên và bịt trong do các sợi trước của các nhánh trước các tk 5 , cùng 1 và cùng 2 tạo nên

Câu 80 : mô tả đúng về tk bì đùi sau là

A nó do sợi sau của các nhánh trước các thần kinh cùng 1 ,2 và cùng 3 tạo nên

B nó đi vào cơ mông ở trên cơ hình quả lê

C nó nằm dưới sự che phủ của phần dưới cơ mông to

D nó chỉ chi phối cho da của mặt sau đùi

Câu 81 : các mô tả sau đây về tk ngồi đều đúng trừ

A nó chi phối cho phần bám vào củ ngồi của cơ khép lớn

B hình chiếu của nó lên bề mặt là đường kẻ nối đỉnh khoeo với 1 điểm ở ngay phía trong điểm nằm giữa củ ngồi và mấu chuyển lớn

C nó chi phối các cơ bịt trong , sinh đôi và vuông đùi

D nó bắt chéo trước đầu dài cơ nhị đầu đùi

Câu 82 : các mô tả sau đây về thần kinh mác chung đều đúng trừ

A nó tận cùng ở mặt ngoài cổ xương mác , dưới mặt sâu cơ mác dài

B các nhánh bên của nó chi phối khớp gối , da phần trên mặt ngoài cẳng chân và góp phần tạo nên thần kinh bắp chân

C có thể tìm thấy nó dọc bờ trong gân cơ nhị đầu đùi

D nó không chi phối cơ ở bàn chân

Câu 83 mô tả đúng về khớp hông là

A là một khớp phẳng nối xương đùi với xương chậu

B các mặt tiếp khớp là chỏm xương đùi , mặt nguyệt của ổ cối , sụn viền ổ cối

C chỏm xương đùi tiếp khớp với hố ổ cối

D sụn viền ổ gián đoạn tại khuyết ổ cối

Câu 84 mô tả đúng về bao khớp và dây chằng của khớp hông là

- A ở mặt trước , đầu ngoài bao khớp dính vào giữa mặt trước cổ xương đùi
- B ở mặt sau đầu ngoài bao khớp bám vào mào gian mấu
- C dây chằng chậu đùi đi từ gai chậu trước trên tới đường gian mấu xương đùi
- D dây chằng mu đùi đi từ ngành trên xương mu tới mấu chuyển bé**

Câu 85 : mô tả đúng về các dây chằng của khớp hông là

- A dây chằng chậu đùi đi từ gai chậu trước dưới tới đường gian mấu**
- B dây chằng mu đùi đi từ ngành trên xương mu tới mấu chuyển lớn
- C dây chằng ngồi đùi đi từ xương ngồi đến mấu chuyển bé
- D dây chằng chỏm đùi là một dây chằng ngoài bao khớp

Câu 86 mô tả đúng về khớp gối là

- A là một khớp chỏm điển hình
- B có 2 sụn chêm (sụn chêm trong và sụn chêm ngoài) và 1 sụn viền
- C sụn chêm trong hình chữ O
- D sụn chêm ngoài gần như hình chữ O**

Câu 87 : mô tả đúng về các dây chằng khớp gối là

- A dây chằng khoeo chéo là trề quặt lên của gân cơ bán gân
- B dây chằng có thể sờ thấy là dây chằng bánh chè**
- C các dây chằng bắt chéo còn được gọi là dây chằng chêm đùi
- D các dây chằng bắt chéo nằm trong ổ hoạt dịch

Câu 88 : mô tả đúng về cơ mông lớn là

- A nguyên ủy : bám vào mặt sau ngoài cánh chậu , mặt sau xương cùng , dây chằng cùng cử**

- B bám tận vào mào gian mấu
- C động tác giạng đùi
- D thần kinh chi phối : tk ngồi

Câu 89 mô tả đúng về cơ may là

- A là cơ lớn nhất của cơ thể**

B nguyên ủy : bám vào gai chậu trước dưới

C thần kinh chi phối : nhánh của tk đùi

D động tác duỗi đùi

Câu 90 : mô tả đúng về cơ chày trước là

A nguyên ủy : mặt ngoài xương mác

B bám tận : vào xương chêm trong và nền xương đốt bàn chân 1

C thần kinh chi phối : nhánh của thần kinh mác nông

D động tác : gấp bàn chân (gấp gan chân)

Câu 91 “ số cơ vùng đùi sau là

A 3 cơ

B 4 cơ

C 5 cơ

D 2 cơ

Câu 92 mô tả đúng về cơ vùng cẳng chân sau là

A được xếp làm 2 lớp

B được xếp thành 3 lớp

C thần kinh chi phối : tk hiển

D thần kinh chi phối : thần kinh đùi

Câu 93 : mô tả đúng về động mạch mông trên là

A là nhánh của động mạch chậu trong

B đi qua khuyết ngồi lớn rồi đi vào cơ mông ở dưới cơ hình quả lê

C đi qua khuyết ngồi bé rồi đi vào mông ở dưới cơ hình quả lê

Câu 94 : mô tả đúng về động mạch mông dưới là

A là 1 trong những nhánh tận của động mạch chậu ngoài

B đi giữa ngành trước của dây thần kinh cùng 1 và 2 : qua khuyết ngồi lớn ở trên cơ quả lên ra vùng mông

C đi qua khuyết ngồi lớn rồi đi vào mông ở dưới cơ quả lê

D ở mông động mạch nằm trong thần kinh thẹn

Câu 95 : mô tả đúng về động mạch đùi

A tiếp theo động mạch chậu trong từ sau dây chằng bẹn

B tiếp theo động mạch chậu ngoài bắt đầu từ phía sau dây chằng bẹn

C ở trong tam giác đùi : tk đùi nằm giữa động mạch đùi nằm ngoài , tĩnh mạch đùi nằm trong

D ở trong ống tam giác đùi : tĩnh mạch đùi nằm giữa , động mạch đùi nằm ngoài , tk đùi nằm trong

Câu 96 : mô tả đúng về động mạch đùi là

A ở trong ống cơ khép , nó bắt chéo sau tĩnh mạch đùi

B ở trong ống cơ khép , nó bắt chéo trước tĩnh mạch đùi

C cơ thẳng đùi là cơ tùy hành của động mạch

D đường định hướng : từ điểm giữa dây chằng bẹn đến giữa nếp gấp khoeo

Câu 97 : động mạch nào sau đây là nhánh bên của động mạch đùi sâu

A động mạch thượng vị nông

B động mạch mũ chậu nông

C động mạch mũ chậu sâu

D động mạch mũ đùi ngoài

Câu 98 mô tả đúng về động mạch khoeo là

A nó tiếp theo động mạch đùi sâu

B nằm ngoài hơn và nông hơn so với tĩnh mạch khoeo và tk chày

C nằm sâu nhất , trong nhất so với tĩnh mạch khoeo và tk chày

D có 1 trong những nhánh bên là động mạch gối xuống

Câu 99 : mô tả đúng về động mạch chày trước

A tách ra từ động mạch khoeo tại lỗ gân cơ khép

B là 1 trong hai nhánh tận của động mạch khoeo bắt đầu từ bờ dưới cơ khoeo

C động mạch quặt ngược chày sau không phải là nhánh bên của nó

D nó không có nhánh bên là động mạch mắt cá trước trong

Câu 100 : mô tả đúng về động mạch chày sau là

A đi xuống khu cẳng chân sau theo một đường kẻ từ giữa nếp gấp khoeo đến mắt cá trong

B ở cẳng chân sau thần kinh chày nằm trong động mạch trên phần lớn đường đi

C động mạch mũ mác không phải là nhánh bên của nó

D động mạch mác là 1 trong những nhánh bên của nó .

Câu 101 : mô tả đúng về các tĩnh mạch chi dưới là

A tĩnh mạch hiển lớn đổ vào tĩnh mạch khoeo

B tĩnh mạch hiển bé đổ vào tĩnh mạch đùi

C tĩnh mạch hiển bé đi lên ở trước mắt cá ngoài

D cả tĩnh mạch hiển lớn và tĩnh mạch hiển bé đều bắt đầu từ cung tĩnh mạch mu chân

Câu 102 mô tả đúng về đám rối thần kinh thắt lưng là

A tạo bởi các nhánh (ngành) sau của 4 tk sống thắt lưng 1, 2,3 ,4

B các nhánh trước từ ngành trước các thần kinh thắt lưng 2,3,4 tạo thành thần kinh đùi

C hai thần kinh không thoát ra ở bờ ngoài cơ thắt lưng lớn là thần kinh sinh dục đùi và thần kinh bịt

D toàn bộ nhánh (ngành) trước thần kinh thắt lưng 4 hợp với ngành trước thần kinh thắt lưng 5 tạo thành thần thắt lưng cùng

Câu 103 : mô tả đúng về thần kinh chậu hạ vị là

A nguyên ủy : nhánh dưới của ngành trước thần kinh thắt lưng 1

B nhánh bì ngoài của nó cảm giác cho da phù phần trước vùng mào chậu

C nhánh bì trước của nó cảm giác cho da vùng tam giác đùi

D có 1 nhánh tận cho cơ lược

Câu 104 : mô tả đúng về thần kinh đùi là

A nó được tạo bởi các nhánh sau của ngành trước các thần kinh thắt lưng 2,3,4

- B nó đi trước dây chằng bẹn để xuống đùi
- C nó chi phối phần lớn các cơ khép đùi
- D nhánh bì trước của nó cảm giác cho mặt ngoài đùi

Câu 105 : cặp thần kinh cảm giác cho da mặt trong cẳng chân và mặt trong của da gót là

- A thần kinh bì bắp chân ngoài và nhánh gót trong thần kinh chày
- B thần kinh mào nông và nhánh gót trong thần kinh chày
- C thần kinh hiển và nhánh gót trong thần kinh chày**
- D thần kinh mào sâu và nhánh gót trong thần kinh chày

Câu 106 : mô tả đúng về đám rối cùng là

- A các rễ tạo nên nó không liên quan đến đoạn cột sống thất lưng
- B có cấu tạo bởi thân thất lưng cùng và các tk đi ra qua 4 lỗ cùng trước**
- C tk cho các cơ sinh đôi , cơ vuông đùi và cơ bịt trong không thuộc đám rối tk cùng
- D nhánh tk tới cơ căng mạc đùi tách trực tiếp từ đám rối cùng

Câu 107 : mô tả đúng về tk đùi bì sau là

- A nó rời chậu hông qua khuyết ngồi lớn và đi vào mông ở bờ trên cơ quả lê
- B ở mông , nằm giữa cơ mông lớn ở sau , các cơ bịt trong , sinh đôi (trên và dưới) và vuông đùi ở trước**
- C cho các nhánh tới da phần trên của mông
- D cho các nhánh tới da vùng đùi trong

Câu 108 : mô tả đúng về thần kinh ngồi là

- A nó do 2 tk mào nông và mào sâu hợp thành
- B ở mông , nó nằm trước các cơ chậu hông – mấu chuyển và sau cơ mông lớn
- C ở khu đùi sau , nó nằm sau cơ khép lớn**
- D tới đỉnh trám khoeo , nó chia thành các tk mào nông và mào sâu

Câu 109 mô tả đúng về tk mào chung là

- A từ đỉnh trám khoeo , nó đi xuống dọc theo gân cơ bán gân

B ở khoeo, nó tách ra tk bì bắp chân trong

C ở mặt ngoài cổ xương mác , nó tận cùng thành các nhánh mác nông và sâu

D nó chỉ cảm giác cho nửa dưới mặt ngoài cẳng chân

Câu 110 : mô tả đúng về tk chày là

A nó chi phối cho ít cơ hơn tk mác chung

B nó dài hơn động mạch chày sau

C nó chi phối cơ vùng cẳng chân trước ngoài

D nó chi phối cho toàn bộ các cơ của bàn chân

Câu 111 : case study một bệnh nhân không thể nghiêng trong bàn chân , tình trạng này cho thấy sự tổn thương của cặp thần kinh nào sau đây

A các tk mác nông và sâu

B các tk mác sâu và chày

C các tk mác nông và chày

D các tk gan chân trong và ngoài

Câu 112 : một bệnh nhân bị mất cảm giác bờ ngoài ngón chân cái , bờ trong ngón chân hai và không thể gấp bàn chân về phía mu chân , đây là những dấu hiệu của tổn thương tk

A tk mác nông

B tk gan chân ngoài

C tk mác sâu

D thần kinh chày

Câu 113 : một bác sĩ cắt cụt chi dưới bằng đường cắt qua phần 3 giữa cẳng chân , các thành phần sẽ bị cắt qua ở vị trí như mô tả nào sau đây trừ

A tĩnh mạch hiển lớn đi trong mô dưới da mặt trong cẳng chân

B tĩnh mạch hiển bé đi trong mô dưới da ở mặt ngoài cẳng chân

C động mạch chày sau đi dưới cơ tam đầu

D động mạch chày trước đi sát trước màng gian cốt

Câu 114 : một bác sĩ cắt cụt chi dưới bằng đường cắt qua phần 3 giữa cẳng chân , các cơ và thần kinh sẽ bị cắt qua ở vị trí như mô tả sau đây , trừ

A cơ chày trước nằm trong ngăn cơ trước , trước mặt ngoài xương chày

B ngăn ngoài vùng cẳng chân trước chứa hai cơ mác dài và ngắn và thần kinh mác nông

C nhóm cơ sâu vùng cẳng chân sau không có mặt hai cơ : gấp các ngón chân dài và gấp ngón chân cái dài

D thần kinh chày đi cùng các mạch chày sau

Câu 115 một bác sĩ cắt cụt chi dưới bằng đường cắt qua phần 3 dưới gối gần đầu dưới ống cơ khớp , các thành phần sẽ bị cắt qua ở vị trí như mô tả sau đây trừ

A cơ khớp lớn tạo nên thành sau ống cơ khớp

B cơ thon nằm trước cơ may

C cơ rộng trong nằm ở thành trước của ống cơ khớp

D thành trong ống cơ khớp có cơ may và là mạc nối cơ rộng trong và cơ khớp lớn

Câu 116 : một bác sĩ cắt cụt chi dưới bằng đường cắt qua phần 3 giữa đùi , ngang mức đầu trên ống cơ khớp các thành phần sẽ bị cắt qua ở vị trí như mô tả sau đây , trừ

A cơ khớp dài tạo nên thành sau ống cơ khớp

B thần kinh hiển nằm trong ống cơ khớp

C thần kinh ngồi nằm sau cơ khớp lớn

D tĩnh mạch hiển lớn nằm trong mô dưới da ở mặt ngoài đùi

Câu 117 một bác sĩ cắt cụt chi dưới bằng đường cắt qua tam giác đùi , các thành phần sẽ bị cắt qua ở vị trí như mô tả sau đây trừ

A trên sàn tam giác có ba cơ , thắt lưng chậu , lược và khớp dài

B cơ may nằm ở cạnh ngoài tam giác đùi

C không xuất hiện cơ thẳng đùi trên mặt cắt

D cơ thon nằm trong các cơ khớp đùi

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
51	D	85	A
52	C	86	D

53	B	87	B
54	D	88	A
55	C	89	C
56	D	90	B
57	B	91	A
58	D	92	A
59	D	93	A
60	C	94	C
61	B	95	B
62	C	96	B
63	A	97	D
64	D	98	C
65	A	99	B
66	D	100	D
67	D	101	D
68	D	102	C
69	C	103	B
70	C	104	A
71	B	105	C
72	B	106	B
73	C	107	B
74	D	108	C
75	C	109	C
76	B	110	B
77	D	111	B
78	D	112	C

79	D	113	B
80	C	114	C
81	C	115	B
82	D	116	D
83	B	117	C
84	D		

Câu hỏi đúng sai

Câu hỏi	Đúng	Sai
118 : trên 1 thiết đồ nằm ngang qua phần 3 giữa cẳng chân A cơ chày sau nằm ở sau màng gian cốt B cơ gấp các ngón chân dài nằm sau xương chày , trong cơ chày sau C cơ duỗi ngón chân cái dài bám vào mặt trước trong xương mác D cơ gấp ngón chân cái dài không có mặt	A +B+C	D
Câu 119 : trên một thiết đồ nằm ngang qua phần ba giữa cẳng chân A động mạch chày trước đi sát trước màng gian cốt B động mạch chày sau nằm ngoài động mạch mác C thần kinh mác sâu đi cạnh động mạch chày trước D tĩnh mạch hiển bé đi bên cạnh thần kinh hiển	A+C	B+D
Câu 120 : trên một thiết đồ nằm ngang qua khoeo , ngay trên các lồi cầu xương đùi A không thấy đầu ngoài cơ bụng chân trên mặt cắt B các mạch khoeo nằm sau diện khoeo C trên mặt cắt có mặt cơ bán gân và cơ bán màng	A+B+C	D

D không có mặt cơ thon		
Câu 121 : trên 1 thiết đồ nằm ngang qua phần ba dưới đùi , gần đầu dưới ống cơ khép A tĩnh mạch đùi nằm ngoài động mạch đùi B cơ thẳng đùi nằm trước cơ rộng giữa C cơ khép ngắn không có mặt D cơ rộng trong nằm ở thành trước ngoài ống cơ khép	A+B+C+D	
Câu 122 : trên 1 thiết đồ nằm ngang qua ống cơ khép , ở gần đầu trên ống cơ khép A Cơ thon nằm trong các cơ khép đùi B các mạch đùi nằm trong khe giữa cơ rộng trong và cơ khép dài C cơ may nằm ở phía trước và ngoài động mạch đùi D không có mặt thần kinh hiển trên mặt cắt	A+B	C+D
Câu 123 : về các nhánh của động mạch đùi A nhánh thượng vị nông của nó không nối với nhánh thượng vị dưới của động mạch chậu ngoài B nhánh mũ đùi trong của động mạch đùi sâu đi giữa cơ thắt lưng lớn và cơ lược C nhánh xuống của động mạch mũ đùi ngoài tiếp nối với nhánh gối trên ngoài của động mạch khoeo D nhánh lên của động mạch xuyên thứ nhất nối với động mạch mông trên	B+C	A+D
Câu 124 : về động mạch đùi A nó đi theo đường kẽ nối củ cơ khép lớn với điểm nằm cách đều giữa gai chậu trước trên với khớp mu B từ trên xuống , cơ may bắt chéo trước động mạch đùi để đi từ ngoài vào trong C các nhánh xuyên của động mạch đùi sâu là những nhánh cấp máu chính cho cơ vùng đùi sau D có 1 chuỗi mạch nối liên tục ở mông và vùng đùi sau do	Cả 4	

các động mạch hông , các nhánh của động mạch đùi sâu và các nhánh cơ của động mạch khoeo tạo nên		
<p>Câu 125 : về động mạch đùi sâu</p> <p>A nó tách ra từ động mạch đùi ở ngang mức dây chằng bẹn</p> <p>B sau khi đi xuống trong tam giác đùi , nó đi sau cơ khép dài và được ngăn cách với động mạch đùi bởi cơ này</p> <p>C nhánh tận của nó là nhánh xuyên duwois cùng trong số các nhánh xuyên</p> <p>D các nhánh mũ đùi và nhánh xuyên thứ nhất của nó tiếp nối với nhau và với động mạch hông dưới tạo nên vòng nối chữ thập</p>	B+C+D	A
<p>Câu 126 : về tiếp nối của động mạch đùi</p> <p>A nhánh mũ chậu nông của nó tiếp nối với nhánh mũ chậu sâu của động mạch chậu ngoài</p> <p>B nhánh thượng vị nông của nó tiếp nối với nhánh lên động mạch mũ đùi ngoài</p> <p>C các nhánh của động mạch đùi sâu tiếp nối với nhánh của các động mạch hông và động mạch khoeo</p> <p>D động mạch đùi không tiếp nối với động mạch chậu trong</p>	A+C	B+D
<p>Câu 127 : về động mạch khoeo</p> <p>A đoạn giữa của nó không bị cơ che phủ</p> <p>B động mạch đi từ đỉnh khoeo đến góc dưới hố khoeo theo đường thẳng đứng</p> <p>C tĩnh mạch khoeo nằm sát gần thành trước hố khoeo hơn động mạch khoeo</p> <p>D thần kinh mác chung ở xa động mạch hơn thần kinh chày</p>	A+D	B+C
<p>Câu 128 “ về động mạch khoeo</p> <p>A đoạn dưới (xa) của nó nằm giữa cơ bụng chân ở sau và cơ khoeo ở trước</p>	Cả 4	

<p>B nó nằm sau bao khớp gối và cơ khoeo</p> <p>C nó tách ra 2 nhánh cho cơ , 5 nhánh gối và nhánh bì cho da bắp chân</p> <p>D nhánh gối dưới ngoài của nó tiếp nối với nhánh mũ mác của động mạch chày sau</p>		
<p>Câu 129 : các động mạch sau tham gia mạng mạch khớp gối</p> <p>A động mạch gối giữa</p> <p>B động mạch gối xuống</p> <p>C các động mạch cơ bụng chân</p> <p>D các động mạch quặt ngược chày trước và sau</p>	B+D	A+C
<p>Câu 130 “ về động mạch chày trước</p> <p>A nó tách ra từ động mạch khoeo ở bờ trên cơ khoeo</p> <p>B nó đi theo đường kẻ nối lồi củ chày với mắt cá trong</p> <p>C nó đi trước xương chày ở 1/3 dưới cẳng chân</p> <p>D nó tách ra 1 nhánh lúc đi trong ngăn cơ cẳng chân sau</p>	C+D	A+B
<p>Câu 131 : về động mạch chày trước</p> <p>a ở nửa trên cẳng chân , nó đi giữa cơ chày trước và cơ duỗi các ngón chân dài</p> <p>b ở phần 3 dưới cẳng chân , nó đi giữa cơ chày trước và cơ duỗi ngón chân cái dài</p> <p>c nó đi cùng thần kinh mác sâu</p> <p>d ở cổ chân , gân cơ duỗi ngón chân cái dài bắt chéo trước nó từ ngoài vào trong</p>	Cả 4	
<p>Câu 132 về động mạch chày sau</p> <p>A nó đi xuống giữa hai lớp cơ vùng cẳng chân sau</p> <p>B nó được che phủ ở mặt sau bởi cơ tam đầu trừ đoạn xa</p>	Cả 4	

<p>C từ trên xuống , thần kinh chày bắt chéo sau động mạch để chuyển từ nằm trong ra nằm ngoài</p> <p>D nó tận cùng bằng các động mạch gan chân trong và ngoài</p>		
<p>Câu 133 “ về sự tiếp nối của động mạch chày sau</p> <p>A nhánh mắt cá ngoài của động mạch mạc tiếp nối với nhánh cổ chân ngoài của động mạch mu chân</p> <p>B nhánh xuyên của động mạch mạc tiếp nối với nhánh mắt cá trước trong của mạch chày trước</p> <p>C nhánh mũ mạc tiếp nối với nhánh gối dưới trong của động mạch khoeo</p> <p>D nhánh mắt cá trong tiếp nối với nhánh cổ chân trong của động mạch mu chân</p>	A+D	B+C
<p>Câu 134 : về động mạch mu chân</p> <p>A nó hướng tới khoảng kẽ giữa các ngón chân 1 và 2</p> <p>B nó chạy tiếp theo động mạch chày trước kể từ sau hãm gân duỗi ở cổ chân</p> <p>C nó tận cùng bằng động mạch cung</p> <p>D nó tách ra các động mạch cổ chân tham gia vào các mạng mạch mắt cá</p>	A+B+D	C
<p>Câu 135 : về thần kinh đùi</p> <p>A nó tách ra nhánh bì đùi ngoài tới mặt ngoài của đùi</p> <p>B nó được tạo nên bởi nhánh trước của các ngành trước của các thần kinh thắt lưng 2-4</p> <p>C nó chi phối cơ tứ đầu , cơ may , cơ lược</p> <p>D nó có nhánh cảm giác mặt trong của gối ,cẳng chân và bàn chân</p>	C+D	A+B
<p>Câu 136 : về thần kinh đùi</p> <p>A nó không có liên quan với cơ thắt lưng lớn và cơ chậu</p>	B+D	A+C

<p>B nhánh hiển của thần kinh đùi tách ra từ cùng 1 thân với các nhánh tới cơ tứ đầu</p> <p>C nó chứa các sợi từ các thần kinh sống tl 1-3</p> <p>D nó là nhánh lớn nhất của đám rối thắt lưng</p>		
<p>Câu 137 : về đám rối thắt lưng</p> <p>A các sợi từ ngành trước thần kinh tl1 tham gia tạo nên các thần kinh chậu hạ vị , chậu bẹn và sinh dục đùi</p> <p>B toàn bộ ngành trước thần kinh TL4 tham gia đám rối thắt lưng</p> <p>C đám rối nằm giữa các bó bám vào thân và các bó bám vào mỏm ngang đốt sống của cơ thắt lưng</p> <p>D đám rối chi phối tất cả các cơ đùi</p>	A +C	B+D
<p>Câu 138 : về đám rối thắt lưng</p> <p>A nó có thể bị tổn thương do 1 áp xe cơ thắt lưng chậu</p> <p>B nó không chi phối cho các cơ thành bụng</p> <p>C nó không chi phối cơ nào xoay ngoài đùi</p> <p>D nó chi phối một cơ tham gia duỗi đùi</p>	A+D	B+C
<p>Câu 139 : về thần kinh bịt</p>		
<p>A nó không có nhánh cho khớp hông</p> <p>B nó chi phối cho 1 vùng da ở mặt trong đùi</p> <p>C nó chi phối cơ khép gần</p> <p>D nó hiện ra ở bờ ngoài cơ thắt lưng lớn</p>	B+C	A+D
<p>Câu 140 về thần kinh bịt</p> <p>A nó chứa các sợi từ các thần kinh sống TL3-5</p> <p>B nó chia thành hai nhánh tận sau khi chui qua lỗ bịt</p>	C	A+B+D

<p>C nó chi phổi cơ khép lớn</p> <p>D nó không chi phổi cơ bịt ngoài</p>		
<p>Câu 141 : về đám rối cùng</p> <p>A nó chỉ được tạo nên bởi các sợi từ ngành trước các thần kinh cùng</p> <p>B chỉ 4/5 ngành trước các thần kinh cùng tham gia cấu tạo đám rối này</p> <p>C nó nằm ở thành sau chậu hông , sau niệu quản</p> <p>D nó nằm trước cơ hình quả lê và liên quan với các động mạch mông</p>	B+C+D	A
<p>Câu 142 : về chi phối của đám rối cùng</p> <p>A nó chi phối cả ba cơ mông</p> <p>B nó chi phối tất cả các cơ của vùng đùi sau</p> <p>C nó chi phối hầu hết các cơ xoay ngoài đùi</p> <p>D nó chi phối cơ bịt ngoài</p>	A+B+C	D
<p>Câu 143 : về các nhánh của đám rối cùng</p> <p>A cơ vuông đùi và cơ sinh đôi dưới do hai tk khác nhau chi phối</p> <p>B thần kinh mông dưới chi phối cơ mông nhờ</p> <p>C thần kinh cơ hình quả lê do các sợi từ thần kinh cùng 2 tạo nên</p> <p>D cơ sinh đôi trên và bịt trong do cùng một thần kinh chi phối</p>	C+D	A+B
<p>Câu 144 “ về thần kinh bì đùi sau</p> <p>A nó là nhánh tách ra từ thân thắt lưng cùng</p> <p>B ở mông , nó nằm trước (sâu hơn) cơ mông to</p> <p>C ở mông , nó nằm sau các cơ sinh đôi và cơ bịt trong</p> <p>D nó chi phối cho da của khoeo , mặt sau đùi . phần dưới mông và đáy chậu</p>	B+C+D	A

Câu 145 : về thần kinh ngồi A nó chi phối cho 1 phần cơ khép lớn B hình chiếu của nó lên bề mặt là đường kẻ nối đỉnh khoeo với 1 điểm ngay phía trong điểm nằm giữa củ ngồi và mấu chuyển lớn C nó chi phối các cơ bịt trong , sinh đôi và vuông đùi D đầu dài cơ nhị đầu đùi bắt chéo sau nó từ trong ra ngoài	A+B+D	C
Câu 146 : về thần kinh mác chung A nó tận cùng khi đi tới mặt ngoài cổ xương mác B nó không chi phối khớp gối C có thể tìm thấy nó dọc bờ trong gân cơ nhị đầu đùi D nó chi phối cho một cơ ở mu bàn chân	A+C+D	B
Câu 147 : về ống cơ khép A nó đi từ đỉnh tam giác đùi đến lỗ gân cơ khép B thành sau của nó được tạo bởi ở trên là cơ khép lớn , ở dưới là cơ khép dài C nó chứa một nhánh bì và 1 nhánh cơ của thần kinh đùi D cơ rộng trong không tham gia tạo nên thành ống	A+C	B+D
Câu 148 về các cơ ở vùng đùi sau A chúng đều có nguyên ủy từ ụ ngồi , trừ đầu gần cơ nhị đầu B chúng đều bám tận vào xương chày C chúng chỉ có động tác gấp cẳng chân D chúng nằm sau cơ khép lớn và cơ rộng ngoài	A +D	B+C
Câu 149 các cơ dưới đây có thể duỗi đùi A cơ bán màng B cơ bán gân C cơ mông to	A+B+C	D

D đầu ngón cơ nhị đầu		
Câu 150 : về các cơ vùng mông A hầu hết (hơn $\frac{1}{2}$ số cơ) có tác dụng gập đùi B chỉ cơ mông to là cơ duỗi đùi C cơ căng mạc đùi bám tận vào xương đùi D cơ bịt ngoài không do đám rối cùng chi phối	A+B+D	C
Câu 151 : về cơ ở vùng mông A phần trước cơ mông nhỏ không bị che phủ bởi cơ mông lớn B cơ mông to và cơ hình quả lê có đầu nguyên ủy bám vào xương cùng C chúng được cấp máu bởi động mạch thẹn trong và động mạch bịt D không cơ nào có tác dụng xoay đùi vào trong	A+B	C+D
Câu 152 về nhóm cơ ở vùng căng chân sâu A cơ dẹt là cơ gấp căng chân B cơ lớp nông có tác dụng nghiêng trong bàn chân C có 1 cơ không bám tận vào các xương bàn chân D tất cả do thần kinh chày chi phối	C+D	A+B
Câu 153 “ về các cơ ở gần trước vùng căng chân trước A các động tác duỗi bàn chân và ngón chân của chúng đối kháng với các cơ vùng căng chân sau B cơ chày trước có động tác hiệp đồng với cơ lớp sâu vùng căng chân sau C chúng đều do nhánh mạc nông của thần kinh mạc chung chi phối D chúng được ngăn cách với các cơ ở gần ngoài vùng căng chân trước bằng 1 vách gian cơ	A+B+D	C

Câu 154 : về các cơ ở gần trước vùng cẳng chân trước A đầu nguyên ủy cơ chày trước bám vào xương mác B gân cơ duỗi các ngón chân dài bám tận vào các ngón chân 1 tới 4 C đầu nguyên ủy cơ duỗi ngón chân cái dài bám vào vùng mặt trong xương mác D gân các cơ vùng này phải đi duwois các hãm gân cơ duỗi	C+D	A+B
Câu 155 : về nhóm cơ vùng cẳng chân sau A cơ dép có nguyên ủy từ cả xương chày và xương mác B cơ bụng chân là cơ duy nhất của nhóm có nguyên ủy từ xương đùi C nguyên ủy cơ gấp ngón chân cái dài bám vào mặt sau thân xương mác D nguyên ủy cơ gấp các ngón chân dài bám vào mặt sau thân xương chày	A+C+D	B
Câu 156 : về các cơ ở gần ngoài vùng cẳng chân trước A chúng có động tác gấp gan chân (gấp bàn chân) B chúng là các cơ nghiêng ngoài bàn chân C chúng đều có nguyên ủy từ mặt ngoài xương mác D chúng không có tác dụng giữ vòm gan chân	A+B+C	D

Câu hỏi vùng chi trên

Câu 1 : mô tả đúng về xương vai là

- A nó thuộc loại xương ngắn
- B nó tiếp khớp với xương cánh tay và cột xuống
- C nó tiếp khớp với xương đòn qua mỏm cùng vai**
- D nó có hai bờ và ba góc

Câu 2 : mô tả đúng về đầu gần xương cánh tay là

- A nó có 1 chỏm ngăn cách phần còn lại của đầu gần bằng cổ phẫu thuật
- B nó nối với thân xương tại cổ giải phẫu
- C nó có các củ lớn và bé ngăn cách với nhau bằng rãnh gian củ**
- D nó không có chỗ bám cho đầu gần của các cơ ở cẳng tay

Câu 3 : mô tả đúng về đầu xa xương cánh tay là

- A nó có 1 hố duy nhất là hố vẹt
- B nó có hai mỗm có thể sờ thấy được ở dưới da là các mỗm trên lồi cầu trong và ngoài**
- C nó tiếp khớp với xương quay tại rãnh rọc và xương trụ tại chỏm con
- D nó không có chỗ bám cho đầu gần của các cơ ở cẳng tay

Câu 4 : mô tả đúng về xương quay là

- A nó là 1 xương dài mà đầu gần to hơn đầu xa
- B nó tiếp khớp ở đầu xa với xương thang và xương thê
- C nó có 1 cổ lồi là nơi thắt hẹp giữa đầu xa và thân xương
- D nó có 1 lồi củ (lồi củ xương quay) cho cơ nhị đầu bám**

Câu 5 mô tả đúng về khuyết trụ của xương quay

- A nó nằm ở đầu gần xương quay
- B nó nằm ở mặt ngoài của đầu xa xương quay
- C nó nằm ở mặt trong của đầu xa xương quay**
- D nó cùng với chỏm xương trụ tạo nên khớp quay trụ gần

Câu 6 : mô tả nào đúng về xương trụ là

- A nó gồm hai đầu và 1 thân xương hình trụ
- B nó có hai khuyết ở đầu trên là khuyết rãnh rọc và khuyết quay**
- C nó có 1 mỗm trâm (mỗm trâm trụ) ở thấp mỗm trâm quay
- D nó có đầu gần nhỏ hơn đầu xa

Câu 7 : khi bàn tay ở tư thế ngửa , xương quay tiếp khớp ở khớp quay – cổ tay với cặp xương

- A xương tháp và xương thang
- B xương nguyệt và xương thang
- C xương nguyệt và xương thuyền**
- D xương thuyền và xương móc

Câu 8 : mô tả đúng về các cơ ở bàn tay là

- A cơ khép ngón cái được chi phối bởi thần kinh giữa
- B các cơ mô cái được chi phối bởi 1 thần kinh đến từ bó sau của đám rối cánh tay
- C các cơ giun có nguyên ủy bám vào các gân của cơ gấp các ngón nông
- D các cơ gian cốt mu tay làm giạng các ngón tay ra xa ngón tay giữa**

Câu 9 mô tả đúng về cơ ngực nhỏ là

- A đầu nguyên ủy của nó bám vào mỏm quạ
- B nó tạo nên thành sau của nách
- C nó được bọc bởi mạc đòn ngực**
- D cơ gấp các ngón tay nông

Câu 10 một bệnh nhân không thể gấp các khớp gian đốt ngón gần do liệt cơ

- A các cơ gian cốt gan tay
- B các cơ gấp ngón tay sâu
- C các cơ gian cốt mu tay
- D cơ gấp các ngón tay nông**

Câu 11 : một bệnh nhân không thể khép cánh tay chủ yếu do liệt

- A cơ tròn nhỏ
- B cơ trên gai
- C cơ lưng rộng**
- D cơ dưới gai

Câu 12 : mô tả đúng về các cơ của chi trên là

- A tất cả các cơ nội tại của mô cái bám tận vào nền đốt ngón gần của ngón cái

B tất cả các đầu của cơ tam đầu cánh tay bám vào xương vai

C ngón tay út không có cơ nào mang tên là cơ khép

D các gân cơ gấp các ngón sâu bám vào đốt giữa của các ngón tay

Câu 13 gãy xương đốt bàn tay thứ nhất có thể làm tổn thương chỗ bám tận của cơ

A cơ giạng ngón cái ngắn

B cơ gấp ngón cái ngắn

C cơ đối chiếu ngón cái

D cơ khép ngón cái

Câu 14 : mô tả đúng về vị trí của hãm gân gấp cổ tay là

A nó nằm nông hơn các thần kinh trụ và giữa

B nó nằm sâu hơn các thần kinh trụ và giữa

C nó nằm sâu hơn thần kinh trụ và nông hơn tk giữa

D nó nằm nông hơn thần kinh trụ và sâu hơn thần kinh giữa

Câu 15 nếu thắt thân động mạch ngực cùng vai nhánh không bị tắc trong các nhánh sau là

A nhánh cùng vai

B nhánh ngực

C nhánh đòn

D nhánh ngực trên

E nhánh delta

Câu 16 : mô tả đúng về động mạch quay là

A nó đi qua ống cổ tay

B nó đi cùng thần kinh gian cốt sau ở cẳng tay

C nó là nguồn đưa máu chính tới cung gan tay nông

D nó tách ra động mạch chính ngón cái

Câu 17 : các động mạch sau đây đều không là nhánh của động mạch cánh tay trừ

A động mạch quặt ngược quay

B động mạch quặt ngược trụ

C động mạch bên trụ trên

D động mạch mũ cánh tay sau

Câu 18 : các động mạch sau đây đều là nhánh của động mạch dưới đòn trừ

A động mạch ngực trong

B động mạch trên vai

C động mạch sườn cổ

D động mạch dưới vai

Câu 19 : mô tả đúng về động mạch nách là

A nó đi giữa cơ ngực lớn và cơ ngực bé

B nó được hai tĩnh mạch nách đi kèm

C nó nằm giữa động mạch dưới đòn và động mạch cánh tay

D nó chạy dọc bờ ngoài cơ quạ cánh tay

Câu 20 mạch máu đầu tiên có khả năng bị tắc bởi 1 cục máu đông từ các tĩnh mạch chi dưới là

A các nhánh của tĩnh mạch thận

B các nhánh của động mạch vành

C các mao mạch dạng xoang của gan

D các nhánh của các động mạch phổi

Câu 21 : mô tả đúng về đám rối cánh tay là

A nó chỉ chứa các sợi tk có nguồn gốc từ rễ trước các tk sống

B nó chỉ chứa các sợi tk bắt nguồn từ các nhánh (ngành) trước các tk sống

C mỗi thân được tạo nên bởi các sợi bắt nguồn từ trên một nhánh trước tk sống

D tất cả các thân trực tiếp tách ra các nhánh cơ

Câu 22 : mô tả đúng về tk trụ là

A nó chạy dọc bên trong (liên quan với) ba động mạch lớn của chi trên

B nó vận động cơ gấp cổ tay trụ và các cơ duỗi cổ tay trụ

- C nó vận động một nửa số cơ nội tại của bàn tay
- D nó chạy sát dọc động mạch trụ từ nguyên ủy tới nơi tận cùng của động mạch này ư

Câu 23 : mô tả về tk quay là

- A nó đi qua tam giác cánh tay tam đầu cùng động mạch bên trụ trên
- B nó vận động toàn bộ các cơ ở mặt sau cánh tay và cẳng tay**
- C nó đi qua rãnh giữa mỏm trên lồi cầu ngoài và mỏm khuỷu
- D nó đi qua rãnh nhị đầu ngoài cùng động mạch quay

Câu 24 : mô tả đúng về thần kinh cơ bì là

- A nó tách ra từ thân trên đám rối cánh tay
- B nó đi vào mô dưới da ngay sau khi xuyên qua cơ quạ cánh tay
- C nó chi phối cho hai cơ gấp cẳng tay (tại khớp khuỷu)**
- D nó cảm giác cho vùng da ở giữa mặt sau cẳng tay

Câu 25 mô tả đúng về tk nách là

- A nó là nhánh tận của bó ngoài đám rối cánh tay
- B nó đi qua lỗ tứ giác cùng động mạch dưới vai
- C nó là tk vừa vận động vừa cảm giác**
- D nó chỉ vận động cho một cơ : delta

Câu 26 mô tả đúng về tk bì cẳng tay trong là

- A nó chỉ cảm giác cho da mặt trong cẳng tay
- B nó bắt chéo trước động mạch cánh tay trên đường đi xuống
- C nó không liên quan với tĩnh mạch nền trên đường đi
- D nó tách ra từ bó trong đám rối cánh tay**

Câu 27 : mô tả đúng về tk giữa là

- A nó luôn đi theo đường dọc giữa cánh tay , khuỷu tay và cẳng tay
- B nó thường bắt chéo sau động mạch cánh tay
- C nó vận động cho tất cả các cơ gấp cổ tay

D nó cảm giác cho hầu hết da gan bàn tay và gan các ngón tay

Câu 28 : các cơ sau đều có tác dụng gấp căng tay . trong các cơ này , cơ được tk quay chi phối là

A cơ nhị đầu cánh tay

B cơ cánh tay quay

C cơ cánh tay

D cơ sấp tròn

Câu 29 : một bệnh nhân bị tổn thương nặng tk quay do gãy phần 3 dưới xương cánh tay sẽ có các triệu chứng

A mất duỗi cổ tay , dẫn đến bàn tay rơi

B cử động sấp căng tay yếu đi

C mất cảm giác ở mặt gan tay ngón cái

D không thể đối chiếu ngón cái

Câu 30 : tổn thương tk quay dẫn tới tình trạng

A bàn tay hình móng vuốt

B bàn tay rơi

C bàn tay khi

D hội chứng ống cổ tay

Câu 31 : trong các nhóm tk sau , nhóm có liên quan mật thiết với xương cánh tay và có thể bị tổn thương khi gãy xương cánh tay

A nách , cơ bì , quay

B nách , giữa , trụ

C nách , quay trụ

D nách , giữa , cơ bì

Câu 32 tổn thương tk trụ gây liệt các cơ

A các cơ gian cốt gan tay và cơ khép ngón tay

B các cơ gian cốt mu tay và hai cơ giun bên ngoài

C hai cơ giun bên trong và cơ đối chiếu ngón cái

D cơ giăng ngón cái ngấn và các cơ gian cốt gan tay

Câu 33 : một vết thương do dao đâm làm đứt động mạch mũ cánh tay sau ở lỗ tứ giác , tk có thể bị tổn thương là

A tk quay

B tk nách

C tk ngực lưng

D tk trên vai

Câu 34 : một nạn nhân tai nạn ô tô bị liệt tất cả các cơ giăng cánh tay , ở tình trạng này , phần đám rối cánh tay bị tổn thương là

A thân giữa và bó sau

B bó trong

C bó ngoài

D thân trên và bó trong

Câu 35 : một tổn thương tk quay khi nó đi trong rãnh ở mặt sau xương cánh tay gây ra tình trạng

A tê ở mặt trong cẳng tay

B không thể đối chiếu ngón cái

C yếu trong sấp cẳng tay

D không thể duỗi bàn tay

Câu 36 : một bệnh nhân có gãy gian lồi cầu xương cánh tay không thể vận động được một cơ bám tận vào xương đầu . tk có khả năng bị tổn thương nhất là

A tk quay

B tk cơ bì

C tk giữa

D tk trụ

Câu 37 cử động giăng các ngón tay (ra xa trục giữa bàn tay , đi qua ngón giữa) bị mất nếu

A tk trụ

B tk giữa

C tk quay

D tk cơ bì

Câu 38 tk ngực lưng chi phối cho 1 cơ có động tác

A giạng cánh tay

B xoay ngoài cánh tay

C khớp xương vai

D duỗi , khớp và xoay trong cánh tay

Câu 39 : một nạn nhân bị ngã xuống từ trên cao , đầu cổ bị đẩy mạnh đột ngột sang phải khi va đập (làm giãn rộng góc vai – cổ trái) . tổn thương có thể xảy ra là

A đứt các rễ trên của đám rối cánh tay bên trái

B đứt các rễ dưới của đám rối cánh tay bên trái

C đứt các rễ trên của đám rối cánh tay phải

D đứt các rễ dưới của đám rối cánh tay phải

Câu 40 : một bệnh nhân không thể duỗi khớp gian đốt ngón gần của ngón nhẫn , cặp tk có thể bị tổn thương là

A các tk quay và giữa

B các tk quay và nách

C các tk quay và trụ

D các tk trụ và giữa

Câu 41 : một bệnh nhân than phiền là mất cảm giác ở các mặt trước và sau phần ba trong bàn tay và một ngón tay rưỡi phía trong . tk có thể bị tổn thương là

A tk nách

B tk quay

C tk giữa

D tk trụ

Câu 42 ; các cơ giạng cánh tay bị liệt là do tổn thương cặp tk nào

A tk nách và cơ bì

B tk ngực lưng và tk dưới vai trên

C tk trên vai và tk nách

D tk quay và tk dưới vai duwois

Câu 43 : trong các cặp tk sau đây , cặp chi phối cho cơ vận động khớp bàn tay đốt ngón tay của ngón nhẫn là

A giữa và trụ

B quay và giữa

C cơ bì và trụ

D trụ và quay

Câu 44 không ngửa được cẳng tay (liệt cơ ngửa và cơ nhị đầu) có thể là hậu quả của tổn thương cặp tk

A cơ bì và giữa

B nách và quay

C quay và cơ bì

D giữa và trụ

Câu 45 những mô tả sau đây về khớp vai đều đúng trừ

A nó là 1 khớp chỏm cầu (khớp chỏm và ổ)

B nó là một khớp hoạt dịch

C nó là một khớp nhiều trục

D nó là một khớp xoan (khớp elip)

Câu 46 : tất cả các mô tả sau đây về mỏm trên lồi cầu trong xương cánh tay đều đúng trừ

A nó là chỗ bám cho nhiều cơ gấp cổ tay

B nó lồi hơn mỏm trên lồi cầu ngoài

C nó ở gần tĩnh mạch nền hơn tĩnh mạch đầu

D nó là điểm mà tại đó động mạch cánh tay thường chia thành các động mạch quay và trụ

Câu 47 một người thợ bị đứt hoàn toàn ngón tay út , tất cả các cơ sau sẽ bị tổn thương , trừ

A gân cơ gấp các ngón sâu

B gân cơ duỗi các ngón

C cơ gian cốt mu tay

D cơ gian cốt gan tay

Câu 48 : các mô tả sau đây về cử động ngửa cẳng tay đều đúng trừ

A ngửa là làm tay hướng ra trước

B cử động ngửa bị mất một phần khi tk quay bị đứt lúc đi qua cánh tay

C nó cần đến sự tham gia của khớp khuỷu và khớp cổ tay

D nó cần đến sự tham gia của các khớp quay trụ gần và xa

Câu 49 : những mô tả sau đây về động mạch trụ đều đúng trừ

A nó là một trong số hai nhánh tận của động mạch cánh tay

B nó chạy qua cẳng tay trước theo hai đoạn : đoạn chéo và đoạn thẳng

C nó được cơ gấp cổ tay trụ tùy hành trên suốt chiều dài cẳng tay

D nó tiếp nối rộng rãi với động mạch quay ở cổ tay và gan tay

Câu 50 : những mô tả sau đây về cung gan tay nông đều đúng trừ

A nó do nhánh tận động mạch quay nối với nhánh tận động mạch trụ tạo nên

B nó nằm dưới cân gan tay , trên các gân gấp nông các ngón tay

C nó phân nhánh đi vào 7 bờ ngón tay để cấp máu cho 3,5 ngón tay bên trong (kể từ ngón út)

D nó có nối tiếp với cung động mạch gan tay sâu

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	C	26	D
2	C	27	D
3	B	28	B
4	D	29	A
5	C	30	B

6	B	31	C
7	C	32	A
8	D	33	B
9	C	34	D
10	D	35	D
11	C	36	D
12	C	37	A
13	C	38	D
14	C	39	A
15	D	40	C
16	D	41	D
17	C	42	C
18	D	43	D
19	C	44	C
20	D	45	D
21	B	46	D
22	A	47	C
23	B	48	C
24	C	49	C
25	C	50	A

Câu 51 : vòng nối động mạch quanh vai có sự tham gia của tất cả các động mạch sau trừ

- A động mạch lưng vai (vai sau)
- B động mạch trên vai
- C động mạch dưới vai
- D động mạch bên trụ trên**

Câu 52 : các cơ sau đây đều do các nhánh bên từ bó sau đám rối cánh tay chi phối trừ

- A cơ dưới vai
- B cơ tròn rộng
- C cơ lưng rộng
- D cơ dưới gai**

Câu 53 : một bệnh nhân có hội chứng ống cổ tay thì tất cả các cấu trúc sau bị chèn ép trừ

- A gân cơ gấp ngón tay cái dài
- B tk trụ**
- C tk giữa
- D gân cơ gấp các ngón nông

Câu 54 : nếu các sợi tk trong các rễ C5 và C6 của đám rối cánh tay bị tổn thương (liệt Erb – Duchenne) , liệt xảy ra ở tất cả các cơ sau đây trừ

- A cơ nhị đầu cánh tay
- B cơ gấp cổ tay trụ**
- C cơ cánh tay quay
- D cơ cánh tay

Câu 55 : liệt mà làm mất khớp gian đốt ngón xa của ngón trỏ cũng sẽ gây nên tất cả các tình trạng sau đây trừ

- A liệt tương tự của ngón tay giữa
- B teo mô cái
- C mất cảm giác trên phần xa của ngón tay trỏ
- D liệt toàn bộ của ngón cái**

Câu 56 : khi tk giữa bị chèn ép trong ống cổ tay do viêm bao hoạt dịch của các gân gấp chúng , các mô tả sau về dấu hiệu tổn thương thần kinh đúng trừ

- A các cơ gian cốt gan tay và mu tay bình thường
- B cơ khép ngón cái không bị teo
- C mô cái bẹt

D cảm giác ở một ngón tay rưỡi bên trong giảm

Câu 57 : tất cả mô tả sau đây về tk nách đều đúng , trừ

- A nó tách ra từ bó sau đám rối cánh tay
- B nó nằm sát với cổ phẫu thuật xương cánh tay

C nó chi phối cho cơ tròn lớn

- D nó có thể bị tổn thương khi chỏm xương cánh tay trật xuống dưới

Câu 58 tổn thương thần kinh giữa dẫn đến liệt tất cả các cơ sau đây trừ

- A cơ gấp các ngón nông
- B cơ đối chiếu ngón cái

C hai cơ giun bên trong

- D cơ sấp tròn

Câu 59 : mô tả đúng về nhóm các cơ vận động đai ngực là

- A cơ ngực bé nâng xương vai

B tất cả các cơ nhóm này có đầu nguyên ủy không bám vào xương của chi trên

- C cơ răng trước khép xương vai
- D cơ thang do đám rối cánh tay chi phối

Câu 60 : các mô tả sau đây về tk quay đều đúng trừ

- A mang các sợi từ ngành trước các tk sống từ c5 đến N1
- B chi phối cho các cơ ở mặt sau chi trên

C tận cùng bằng hai nhánh nông và sâu khi đi đến rãnh tk quay

- D tách ra từ bó sau đám rối cánh tay

Câu 61 : mô tả đúng về tk quay

- A nó đi qua lỗ tứ giác để đi vào vùng cánh tay sau

B ở cánh tay nó xuyên qua vách gian cơ ngoài

- C nó đi sau môm trên lồi cầu ngoài xương cánh tay

D nó đi giữa cơ cánh tay quay và cơ duỗi cổ tay quay dài ngay trước khi tận cùng

Câu 62 : các mô tả sau đây về nhánh của tk quay đều đúng trừ

- A nhánh nông tk quay là 1 nhánh bì
- B nhánh sâu tk quay xuyên qua cơ ngửa

C các nhánh bên tk quay chi phối cho 7 cơ

- D nhánh sâu tk quay có thể tổn thương khi gãy cổ xương đùi

Câu 63 : thành phần mà thần kinh quay hay nhánh của nó không có liên quan là

- A rãnh tk quay xương cánh tay
- B động mạch cánh tay sâu
- C vách gian cơ ngoài của cánh tay

D cơ nhị đầu cánh tay

Câu 64 : tổn thương tk quay ở phần 3 dưới cánh tay sẽ ảnh hưởng đến những nhánh sau trừ

- A nhánh chi phối cơ ngửa
- B các nhánh chi phối cho các cơ duỗi bàn tay

C nhánh bì cánh tay sau

- D nhánh nông

Câu 65 : dấu hiệu vuốt trụ sẽ rõ rệt hơn khi tk trụ tổn thương ở mức

- A ở nách
- B ở khuỷu
- C ở cánh tay

D ở cổ tay

Câu 66 : các mô tả sau về tk trụ đều đúng trừ

- A nó mang các sợi từ ngành trước các tk sống C8 và N1
- B nó xuyên qua vách gian cơ trong từ trước ra sau
- C nó đi giữa môm trên lồi cầu trong xương cánh tay và môm khuỷu xương trụ

D nó đi sau hãm gân gấp cổ tay

Câu 67 : mô tả sau về các nhánh của tk trụ đều đúng trừ

A nhánh nông tk trụ không chi phối cơ nào

B nhánh sâu tk trụ chi phối cho 1 phần các cơ mô cái gan tay

C nhánh mu tay tk trụ chi phối cho da nửa trong mu bàn tay

D các nhánh của tk trụ chi phối nửa trong cơ gấp các ngón tay sâu

Câu 68 : tổn thương tk trụ ở vùng gan cổ tay , nhánh nào sau đây không bị ảnh hưởng

A nhánh sâu

B nhánh nông

C nhánh bì mu tay

D nhánh gan tay

Câu 69 tk trụ có tất cả các liên quan sau trừ

A đi ở phía trong các động mạch nách và cánh tay

B xuyên qua vách gian cơ cánh tay trong cùng động mạch bên trụ trên

C đi giữa hai đầu cơ gấp cổ tay trụ

D ở cổ tay , đi về phía ngoài động mạch trụ

Câu 70 : các mô tả sau về tk giữa đều đúng trừ

A nó chứa các sợi từ ngành trước các tk sống C5-C8 và N1

B nó đi qua ống cổ tay

C nhánh tk gian cốt trước của nó chi phối cơ gấp các ngón nông

D nó đi sau cơ gấp các ngón nông

Câu 71 các mô tả sau về các nhánh của tk giữa đều đúng trừ

A nó không phân nhánh bên lúc đi qua cánh tay và nách

B nhánh bì gan tay tách ra ở phần dưới cổ tay

C nhánh gian cốt trước đi cùng động mạch gian cốt trước

D nhánh mô cái chi phối các cơ giun 1, 2

Câu 72 liên quan đúng của tk giữa là

A nó bắt chéo sau động mạch cánh tay

B ở khuỷu nó nằm sau trẻ gân cơ nhị đầu

C nó đi sau cơ sấp tròn

D ở cẳng tay , càng xuống dưới nó càng gần bờ trong cơ gấp các ngón nông

Câu 73 chèn ép tk giữa trong ống cổ tay (sau hãm gân gấp) gây những dấu hiệu sau trừ

A mất cảm giác mô cái gan tay

B yếu cử động gấp các ngón tay 1,2,3

C các nhánh chi phối các cơ gấp bàn tay và sấp cẳng tay không bị ảnh hưởng

D tê bì và dị cảm ở 3 ngón tay rưỡi phía ngoài

Câu 74 : các mô tả về tk cơ bì đều đúng trừ

A nó chứa các sợi từ ngành trước các tk sống C6,7,8

B Nó chi phối cho các cơ gấp cẳng tay (2 cơ chính trong số 4 cơ)

C nó cảm giác cho mặt ngoài cẳng tay

D tk cơ bì chứa các sợi từ các rễ trên của đám rối cánh tay

Câu 75 mô tả đúng về tk cơ bì là

A nó xuyên qua cơ tròn to

B gần khuỷu , nó xuyên qua mạc và đi vào da ở bờ trong gân cơ nhị đầu

C nhánh cơ gân (cao) nhất của nó đi vào cơ quạ cánh tay

D ở cánh tay , nó đi giữa xương cánh tay và cơ cánh tay

Câu 76 : các mô tả sau về tk nách đều đúng trừ

A nó chi phối toàn bộ vùng da phủ trên cơ delta

B nhánh trước của nó đi giữa cổ phẫu thuật xương cánh tay và cơ delta

C nó đi qua lỗ tứ giác cùng động mạch mũ cánh tay sau

D nó chi phối cơ tròn bé

Câu 77 mô tả đúng về tk nách là

A nó có thể bị tổn thương trong gãy giữa thân xương cánh tay

B nó có thể bị tổn thương trong trật khớp vai ra trước và xuống dưới

- C nó nằm ở trong tk quay
- D nhánh bì cánh tay trên ngoài tách ra từ thân chính tk nách

Câu 78 động tác bị ảnh hưởng nhất khi liệt thần kinh nách là

- A giạng cánh tay**
- B gấp cánh tay
- C duỗi cánh tay
- D xoay cánh tay

Câu 79 : các mô tả sau đây về đám rối cánh tay đều đúng trừ

- A nó chi phối cho tất cả các cơ tham gia vận động chi trên**
- B tk dưới vai dưới tách ra từ nó sau , chi phối cơ dưới vai và cơ tròn lớn
- C các cơ ngực (lớn và bé) do nhánh bên từ các bó chi phối
- D đám rối có 5 nhánh tận và nhiều nhánh bên

Câu 80 mô tả đúng về các tk bì trong của chi trên là

- A tk bì cánh tay trong chi phối cho toàn bộ mặt trong cánh tay
- B tk bì cẳng tay trong chỉ cảm giác cho mặt trong cẳng tay
- C tk bì cẳng tay trong xuyên qua mạc đi vào da ở phần ba giữa cánh tay**
- D cả hai tk cùng là nhánh từ bó trong

Câu 81 : mô tả đúng về liên quan của động mạch nách là

- A nó được cơ ngực lớn chia thành ba đoạn
- B nó đi dọc ở phía trong tĩnh mạch nách
- C nó được tiếp tục bởi động mạch cánh tay ở ngang bờ dưới cơ ngực to**
- D tên các bó của đám rối cánh tay không thể hiện vị trí của mỗi bó so với động mạch nách

D tên các bó của đám rối cánh tay không thể hiện vị trí của mỗi bó so với động mạch nách

Câu 82 : các mô tả sau về nhánh bên và tiếp nối của động mạch nách đều đúng trừ

- A động mạch ngực ngoài tách ra ở đoạn sau cơ ngực bé
- B nhánh dưới vai của động mạch nách tiếp nối với các động mạch vai sau và trên vai của động mạch dưới đòn

C các nhánh mũ cánh tay trước và sau tách ra ở đoạn dưới cơ ngực bé

D để chi trên không bị hoại tử , cần thắt động mạch nách ở dưới nguyên ủy động mạch dưới vai

Câu 83 : mô tả đúng về động mạch cánh tay

A nó chạy tiếp theo động mạch nách sau khi động mạch nách tách ra động mạch cánh tay sâu

B nó chia thành các nhánh tận ở ngang đường nếp gấp khuỷu

C nó chạy dọc sau bờ trong cơ nhị đầu

D không sờ thấy mạch đập của nó vì nó bị vây quanh bởi các cơ

Câu 84 các mô tả sau về động mạch cánh tay đều đúng trừ

A nó thường tận cùng ở ngang mức cổ xương quay

B nhánh lớn nhất của nó là động mạch cánh tay sâu

C nó đi xuống cùng tk giữa , lúc đầu ở trong , sau bắt chéo sua tk để nằm phía ngoài

D nó đi dọc ở phía trong tk trụ

Câu 85 : các động mạch dưới đây đều là nhánh bên của động mạch cánh tay trừ

A động mạch bên quay

B động mạch bên trụ trên

C động mạch cánh tay sâu

D động mạch bên trụ dưới

Câu 86 mô tả đúng về động mạch cánh tay là

A cơ tùy hành của nó là cơ quạ cánh tay

B nó chạy dọc theo bờ ngoài cơ nhị đầu cánh tay

C nó tách ra 5 nhánh bên

D nó bị tk giữa bắt chéo trước từ ngoài vào trong , trên đường đi từ trên xuống dưới

Câu 87 các mô tả sau đây về động mạch cánh tay sâu đều đúng trừ

A nó là 1 trong 3 nhánh bên lớn nhất của động mạch cánh tay

B nó chui qua tam giác bả vai – tam đầu để đi tới vùng cánh tay sau

C nó là nhánh bên lớn nhất của động mạch cánh tay

D cấp máu nuôi dưỡng cho vùng cánh tay sau

Câu 88 : khi muốn các cơ cẳng tay không bị xơ hóa sau khi thất , vị trí hợp lí nhất trong các vị trí thất động mạch cánh tay dưới đây là

A phía trên của động mạch cánh tay sâu

B phía dưới của động mạch cánh tay sâu

C phía trên của động mạch bên trụ dưới

D phía dưới của động mạch bên trụ dưới

Câu 89 các mô tả sau đây về tiếp nối của động mạch cánh tay đều đúng trừ

A tiếp nối với động mạch nách : động mạch cánh tay sâu với các động mạch mũ cánh tay trước và sau

B tiếp nối với động mạch quay : động mạch bên quay với động mạch quặt ngược quay

C tiếp nối với động mạch trụ : động mạch bên trụ trên với động mạch quặt ngược trụ

D tiếp nối với động mạch trụ : động mạch bên giữa với động mạch quặt ngược trụ

Câu 90 : các mô tả dưới đây về động mạch quay đều đúng trừ

A nó là 1 trong 2 nhánh tận của động mạch cánh tay

B cơ tùy hành của nó là cơ gấp cổ tay quay

C nó đi cùng với nhánh nông tk quay , dưới cơ cánh tay quay

D nó tận cùng bằng cách liên tiếp với cung gan tay sâu

Câu 91 : các mô tả sau đây về động mạch quay đều đúng trừ

A ở cẳng tay , nó đi theo đường kẻ nối điểm giữa nếp gấp khuỷu tới rãnh mạch quay

B cơ tùy hành của động mạch là cơ cánh tay quay

C nó nằm phía ngoài so với nhánh nông tk quay

D nó trở thành cung động mạch gan tay sâu sau khi tách ra động mạch chính ngón cái (hoặc quay ngón trở)

Câu 92 : mô tả đúng về động mạch quay là

A nó đi cùng với nhánh sâu tk quay tạo thành bó mạch tk quay

B nó được tùy hành bởi cơ gấp cổ tay quay

C nó có 2 cung tiếp nối với động mạch trụ ở cổ tay

D nhánh bên cuối cùng của nó là động mạch gan tay nông

Câu 93 các nhánh động mạch dưới đây đều là nhánh bên của động mạch quay trừ

A động mạch gian cốt quặt ngược

B động mạch quặt ngược quay

C nhánh gan tay nông

D nhánh gan cổ tay

Câu 94 các mô tả sau về động mạch quay đều đúng trừ

A nó trở thành cung gan tay sâu sau khi tách ra động mạch chính ngón cái

B nó đi giữa hai đầu cơ gian cốt mu tay một trước khi vào gan tay

C nó không tách ra nhánh nào lúc đi qua vùng mu cổ tay

D ở cổ tay nó đi trong vùng vách ngăn giữa các cơ vùng cổ tay sau và vùng cổ tay trước

Câu 95 : các mô tả sau đây về động mạch trụ đều đúng trừ

A ở phần trên cổ tay nó đi sau các cơ sấp tròn , gấp cổ tay quay và gan tay dài

B nhánh gian cốt chung động mạch trụ chia thành 2 nhánh gian cốt trước và sau

C nó trở thành cung gan tay nông sau khi tách ra nhánh gan tay sâu

D nó bắt chéo trước tk giữa trên đường đi

Câu 96 : mô tả đúng về động mạch trụ là

A nó đi sát gần thần kinh trụ trên suốt đường đi

B ở phần trên cổ tay , nó đi sau cơ gấp các ngón nông và trước cơ gấp các ngón sâu

C nó là nguồn dẫn máu phụ tới cung gan tay nông

D nó không cấp máu cho tk giữa

Câu 97 : các mô tả sau đây về động mạch trụ đều đúng trừ

- A nó có 4 cung tiếp nối với động mạch quay ở cổ tay và gan tay
- B nó có cùng vị trí nguyên ủy với động mạch quay
- C nhánh cuối cùng của nó trước khi liên tiếp với cung gan tay nông là nhánh gan tay sâu

D cơ tỳ hành của nó là cơ gan tay dài

Câu 98 mô tả đúng về cung động mạch gan tay sâu là

- A nó nằm sát trước chòm các xương đốt bàn tay
- B nó nhô (lồi) về phía xa hơn so với cung gan tay nông
- C nó tách ra 4 động mạch gan tay chung

D nó đi dọc theo bên cạnh nhánh sâu tk trụ

Câu 99 : các mô tả sau đây về cung động mạch gan tay nông đều đúng trừ

- A nhánh tận động mạch trụ có thể nối với nhánh gan tay nông hay nhánh khác của động mạch quay (động mạch chính ngón cái hay động mạch quay ngón trỏ) để khép kín cung nông
- B cung nông chỉ là 1 trong hai nguồn dẫn máu tới các động mạch gan ngón tay riêng
- C điểm lồi ra xa nhất của cung nông ở ngang mức đường kẻ ngang qua gan tay , dọc theo bờ dưới của ngón tay cái giăng hết mức

D ở phần giữa gan tay cung nông nằm sau các gân gấp và các thần kinh

Câu 100 : mạng tiếp nối động mạch quanh khuỷu không có sự tham gia của động mạch

- A động mạch quặt ngược trụ , động mạch quặt ngược quay

B nhánh của động mạch gian cốt trước

- C nhánh của động mạch gian cốt sau

D các động mạch bên trụ trên và dưới , các nhánh bên quay và bên giữa của động mạch cánh tay sâu .

Câu 101 : một bác sĩ cắt cụt chi trên bằng đường cắt qua chỗ nối phần ba trên với phần 3 giữa cánh tay , các thành phần sẽ bị cắt qua ở vị trí như mô tả sau đây

- A tk quay trong rãnh tk quay xương cánh tay

B tk trụ nằm sau vách gian cơ cánh tay trong

C tk giữa đang nằm ở trước ngoài động mạch cánh tay

D tk bì cẳng tay trong còn nằm sâu dưới mạc cánh tay (trong ống cánh tay)

Câu 102 : một bác sĩ cắt cụt chi trên bằng đường cắt qua chỗ nối phần ba dưới với phần ba giữa cánh tay , các thành phần sẽ bị cắt qua ở vị trí như mô tả sau đây trừ

A tk giữa nằm ở trong động mạch cánh tay

B tk quay xuyên qua vách gian cơ cánh tay ngoài đi vào vùng cánh tay trước

C tk cơ bì nằm giữa các cơ nhị đầu và cánh tay

D tĩnh mạch nên tận cùng , đi vào sâu đổ vào tĩnh mạch cánh tay

Câu 103 : một bác sĩ cắt cụt chi trên bằng đường qua khuỷu các thành phần cắt qua ở vị trí như mô tả sau đây trừ

A tk trụ nằm trong rãnh giữa mỏm khuỷu xương trụ và mỏm trên lồi cầu ngoài xương cánh tay

B tk quay nằm trong rãnh giữa cơ cánh tay và cơ cánh tay quay

C động mạch cánh tay nằm trong rãnh nhị đầu trong , sau trẽ gân cơ nhị đầu

D tk cơ bì đã xuyên qua mạc đi vào mô dưới da

Câu 104 : một bác sĩ cắt cụt ở cẳng tay bằng đường cắt qua chỗ nối phần ba trên với phần ba giữa cẳng tay , các thành phần sẽ bị cắt qua ở vị trí như mô tả sau đây trừ

A cơ sấp tròn bị cắt qua ở chỗ nó bám tận vào mặt ngoài xương quay

B tk trụ đang nằm dưới mặt sâu cơ gấp cổ tay trụ

C tk giữa đang nằm trước cơ gấp các ngón nông

D động mạch quay nằm dưới cơ cánh tay quay

Câu 105 : một bác sĩ cắt cụt chi trên bằng 1 đường cắt qua phần tư dưới cẳng tay , các thành phần sẽ bị cắt qua ở vị trí như mô tả sau đây trừ

A gân cơ gan tay dài nằm sau gân cơ gấp các ngón nông

B gân cơ gấp cổ tay quay nằm ở trước trong động mạch quay

C cơ sấp vuông nằm sát các xương cẳng tay

D động mạch trụ nằm bên ngoài tk trụ

Câu 106 một bác sĩ cân nhắc thắt động mạch ở các vị trí sau , vị trí nguy hiểm nhất có thể khiến các tiếp nối động mạch chính không được phát huy làm cho đoạn chi dưới chỗ thắt có thể bị hoại tử là

A động mạch nách , trên nguyên ủy động mạch dưới vai

B đoạn mạch trực nằm giữa động mạch dưới vai và động mạch cánh tay sâu

C động mạch cánh tay giữa nguyên ủy của động mạch cánh tay sâu và nguyên ủy động mạch bên trụ trên

D động mạch cánh tay , dưới nguyên ủy động mạch bên trụ trên

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
51	D	74	A
52	D	75	C
53	B	76	A
54	B	77	B
55	D	78	A
56	D	79	A
57	C	80	C
58	C	81	C
59	B	82	D
60	C	83	C
61	B	84	D
62	C	85	A
63	D	86	D
64	C	87	B
65	D	88	D
66	D	89	D
67	A	90	B
68	C	91	C
69	D	92	C
70	C	93	A

71	D	94	C
72	B	95	D
73	A	96	B
97	D	103	A
98	D	104	C
99	D	105	A
100	B	106	B
101	B		
102	D		

107 : trên một thiết đồ ngang qua bàn tay qua các xương đốt bàn tay

A các cơ gian cốt gan tay bám vào xương đốt bàn tay 1,2,3,4

B các động mạch đốt bàn tay nằm ngay sau cân gan tay , trước các gân gấp

C mỗi cơ gian cốt mu tay bám vào cả hai xương đốt bàn tay của một khoang gian xương đốt bàn tay

D các gân cơ gấp các ngón sâu và các cơ giun bám vào những gân này

Câu 108 “ trên một thiết đồ nằm ngang qua nách

A tĩnh mạch nách nằm trong động mạch nách

B tk giữa nằm ở trước ngoài động mạch nách

C tk cơ bì nằm trong động mạch nách

D cơ dưới vai nằm sau các mạch nách

Câu 109 trên một thiết đồ đứng dọc qua nách

A tĩnh mạch nách nằm dưới động mạch nách

B tk cơ bì nằm dưới động mạch nách

C cơ ngực bé nằm trước các mạch nách

D tk trụ nằm trên động mạch nách

Câu 110 : trên một thiết đồ ngang qua chỗ nối phần ba trên phần ba giữa cánh tay

A cơ quạ cánh tay bám vào mặt trước trong xương cánh tay

B cơ delta không có mặt trên thiết đồ

C cơ tam đầu cánh tay là cơ duy nhất trong ngăn cơ cánh tay sau

D tĩnh mạch nền nằm sâu bên dưới mạc cánh tay (trong ống cánh tay) phía trong động mạch cánh tay

Câu 111 : trên một thiết đồ nằm ngang qua chỗ nối phần giữa phần ba dưới cánh tay

A thấy nguyên ủy cơ cánh tay quay bám vào bờ ngoài xương cánh tay

B cơ cánh tay bám vào mặt trước (ngoài và trong) xương cánh tay

C tk giữa nằm ở trước ngoài động mạch cánh tay

D tk cơ bì xuyên qua mạc đi vào mô dưới da (không còn đi giữa cơ nhị đầu và cơ cánh tay)

Câu 112 : trên một thiết đồ nằm ngang qua khuỷu (ngang mức các mỏm trên lồi cầu)

A thiết đồ này cũng cắt qua mỏm khuỷu

B thiết đồ này cắt qua năm tk : quay , giữa trụ cơ bì và bì căng tay trong

C thiết đồ này không cắt qua cơ cánh tay

D tĩnh mạch nền nằm cạnh tk cơ bì , tĩnh mạch đầu nằm cạnh bì căng tay trong

Câu 113 trên một thiết đồ nằm ngang qua phần tư dưới cẳng tay

A phần lớn các cơ cắt qua là gân , trừ cơ sấp vuông

B động mạch quay nằm trong gân cơ cánh tay quay , ngoài gân cơ gấp cổ tay quay

C gân cơ gan tay dài nằm giữa gân cơ gấp cổ tay trụ và gân cơ gấp cổ tay quay

D gân cơ gấp ngón cái dài nằm trong gân cơ gấp các ngón tay sâu

Câu 114 “ trên một thiết đồ nằm ngang qua chỗ nối phần ba trên – phần 3 giữa cẳng tay

A tk trụ nằm giữa cơ gấp cổ tay trụ và cơ gấp ngón tay sâu

- B tk giữa và nằm sau cơ gấp các ngón tay nông
- C nhánh nông tk quay nằm trong động mạch quay
- D cơ gấp ngón tay cái dài nằm trước (nông hơn) cơ gấp các ngón nông

Câu 115 về nhóm các cơ vận động đai ngực

- A cơ thang được chi phối bởi đám rối cánh tay
- B tất cả các cơ nhóm này có đầu nguyên ủy bám vào các xương trục (xương thân)
- C nhóm này là một phần các cơ ngoại lai của chi trên
- D chỉ có cơ nâng vai có tác dụng nâng xương vai

Câu 116 : về thần kinh quay

- A mang các sợi từ các tk C5-C8 và N1
- B có nhánh cảm giác cho da vùng giữa mặt sau cánh tay và cẳng tay
- C tận cùng bằng nhánh nông và nhánh sâu
- D tách ra từ cung một bó với tk nách

Câu 117 : về đường đi của tk quay

- A nó đi qua lỗ tứ giác
- B ở cánh tay , nó xuyên qua vách gian cơ ngoài khi đi từ ngăn cơ sau đến ngăn cơ trước cánh tay
- C nó đi trước mỏm trên lồi cầu ngoài xương cánh tay
- D nó đi đến hết phần ba trên cẳng tay thì tận cùng bằng các nhánh nông và sâu

Câu 118 : về nhánh của thần kinh quay

- A nhánh nông tk quay là một nhánh da
- B nhánh sâu tk quay chi phối toàn bộ cơ vùng cẳng tay sau
- C các nhánh bên tk quay gồm các nhánh cơ và các nhánh bì

D tk quay có thể tổn thương khi gãy thân xương cánh tay

Câu 119 : tk quay hay nhánh của nó liên quan với các cấu trúc sau đây

- A rãnh xoắn ở mặt sau xương cánh tay
- B động mạch cánh tay sâu
- C vách gian cơ trong cánh tay
- D cơ nhị đầu cánh tay

Câu 120 : về dấu hiệu tổn thương tjk quay ở mức giữa cánh tay

- A yếu động tác ngửa bàn tay
- B mất duỗi bàn tay và các ngón tay
- C không mất cảm giác mặt sau cánh tay (di nhánh bì cánh tay sau)
- D mất cảm giác mặt sau cẳng tay và nửa ngoài mu tay

Câu 121 : về tk trụ

- A nó không mang các sợi từ ngành trước các thần kinh C5, C6, C7
- B trên đường đi xương nó đi từ ngăn cơ trước cánh tay xuống ngăn cơ sau cánh tay
- C nó đi trong rãnh giữa mỏm trên lồi cầu ngoài xương cánh tay và mỏm khuỷu xương trụ
- D nó không đi trong ống cổ tay (trước hãm gân gấp)

Câu 122 : về nhánh thần kinh trụ

- A nhánh nông tk trụ chi phối cho cơ gan tay ngắn
- B nhánh sâu tk trụ không chi phối cho các cơ ở mô cái gan tay
- C nhánh bì mu tay tk trụ chi phối cho da nửa ngoài mu bàn tay
- D các nhánh cơ của tk trụ chi phối phần cơ gấp các ngón tay sâu mà cho gân vào các ngón tay 4,5

Câu 123 : về tk giữa

- A nó chứa các sợi từ ả 5 rễ của đám rồi cánh tay
- B là thân kinh duy nhất đi qua ống cổ tay
- C tk gian cốt trước là nhánh cho các cơ gấp các ngón sâu (nửa ngoài) gấp ngón cái dài và sấp vuông c
- D nó đi giữa cơ gấp các ngón sâu và cơ gấp các ngón nông

Câu 124 về nhánh của tk giữa

- A các nhánh cơ của nó tách ra ở vùng hố khuỷu
- B nhánh bì gan tay của nó tách ra ở phần dưới cẳng tay
- C nhánh gian cốt trước của nó đi cùng động mạch gian cốt trước
- D nhánh mô cái của nó không chi phối cơ khép ngón tay cái

Câu 125 về liên quan của tk giữa

- A nó bắt chéo trước động mạch cánh tay
- B ở khuỷu , nó nằm sau trẽ gân cơ nhị đầu
- C nó đi giữa hai cơ sấp tròn
- D ở cẳng tay , càng xuống dưới nó càng gần bờ ngoài cơ gấp các ngón nông rồi vòng ra mặt trước bó g

Câu 126 : về các dấu hiệu của chèn ép thần kinh giữa trong ống cổ tay

- A nhánh gan tay tk giữa không bị ảnh hưởng do đi trước hãm gân gấp , mô cái không mất cảm giác
- B yếu cử động gấp các ngón tay 1,2,3
- C cử động gấp bàn tay và sấp cẳng tay bình thường
- D tê bì và dị cảm ở ba ngón tay rưỡi phía ngoài

Câu 127 : về thần kinh cơ bì

- A nó chứa các sợi từ ngành trước các tk sống C5,6,7

- B nó chi phối cho 2 cơ gấp cẳng tay và một cơ gấp cánh tay
- C nó cảm giác cho mặt trong cẳng tay
- D nó bị ảnh hưởng nếu tổn thương các rễ C8 và N1 của đám rối cánh tay

Câu 128 : về thần kinh cơ bì

- A nó xuyên qua cơ quạ cánh tay
- B gân khuỷu , nó xuyên qua mạc và đi vào da ở bờ ngoài gân cơ nhị đầu
- C nhánh cơ gân (cao)nhất của nó đi vào cơ quạ cánh tay
- D ở cánh tay nó đi giữa cơ nhị đầu và cơ cánh tay

Câu 129 “ về tk nách

- A nó chi phối phần dưới của vùng da che phủ trên cơ delta
- B nhánh sau của nó chi phối cho phần trước cơ delta
- C nó đi qua lỗ tứ giác cùng động mạch mũ cánh tay trước
- D nó chứa các sợi từ ngành trước các thần kinh sống C5,6

Câu 130 về tk nách

- A nó có thể bị tổn thương trong gãy thân xương cánh tay
- B nó có thể bị tổn thương trong trật khớp vai ra trước và xuống dưới
- C ở nách , nó nằm ở trong thần kinh quay
- D thân chính tk nách tách ra một nhánh cho khớp vai

Câu 131 về đám rối cánh tay

- A nó không chi phối cho cơ thẳng
- B tk dưới vai dưới tách ra từ bó ngoài
- C các cơ ngực lớn và bé do nhánh bên từ các bó ngoài và trong chi phối

D đám rối có 5 nhánh tận và nhiều nhánh bên

Câu 132 về các tk bì trong của chi trên

A tk bì cánh tay trong không chi phối cho toàn bộ mặt trong cánh tay

B tk bì cẳng tay trong chỉ cảm giác cho mặt trong cẳng tay

C tk bì cẳng tay trong xuyên qua mạch sâu đi vào da từ nền nách

D cả hai tk này cùng chứa các sợi từ các tk sống C8 và N1

Câu 133 : về liên quan của động mạch nách

A nó được cơ ngực lớn chia thành ba đoạn

B nó đi dọc ở phía ngoài tĩnh mạch nách

C nó được tiếp tục bởi động mạch cánh tay ở ngang bờ dưới cơ ngực to

D sau cơ ngực bé , tên các bó của đám rối cánh tay không thể hiện vị trí của mỗi bó so với động mạch nách

Câu 134 về nhánh bên và tiếp nối của động mạch nách

A động mạch ngực ngoài tách ra ở đoạn sau cơ ngực bé

B động mạch mũ cánh tay sau của động mạch nách tiếp nối với các động mạch dưới vai sau và trên vai sau và nối quanh vai

C các nhánh mũ cánh tay trước và sau tách ra ở đoạn dưới cơ ngực bé

D để chi trên không bị hoại tử , cần thắt động mạch nách ở dưới nguyên ủy của động mạch dưới vai

Câu 135 : về động mạch cánh tay

A nó chạy tiếp theo động mạch nách và có cùng đường định hướng như động mạch nách

B nó chia thành các nhánh tận ở ngang mức cổ xương quay

C nó chạy dọc sau bờ trong cơ nhị đầu

D không sờ thấy mạch đập của nó vì nó bị vây quanh bởi các cơ

Câu 136 : về động mạch cánh tay

- A nó thường tận cùng ở ngang mức cổ xương quay
- B nhánh lớn nhất của nó là bên trụ trên
- C nó đi xuống cùng thần kinh giữa , lúc đầu ở trong , sau bắt chéo sau tk này để nằm phía ngoài
- D nó đi dọc ở phía trong tk bì cẳng tay trong

Câu 137 : về động mạch quay

- A nó trở thành cung gan tay sâu sau khi tách ra động mạch chính ngón cái (hoặc quay ngón trỏ)
- B nó đi qua khoang gian xương đốt bàn tay thứ nhất trước khi vào gan tay
- C nó tách ra nhánh mu cổ tay lúc đi qua vùng mu cổ tay
- D ở cẳng tay nó đi giữa cơ cánh tay quay và các cơ vùng cẳng tay trước

Câu 138 về động mạch trụ

- A ở phần trên cẳng tay , nó đi sau các cơ sấp tròn , gấp cổ tay quay và gan tay dài
- B nhánh gian cốt chung của động mạch trụ thường chia ra hai nhánh gian cốt trước và sau
- C nó trở thành cung gan tay nông sau khi tách ra nhánh gan tay sâu
- D nó bắt chéo sau tk giữa trên đường đi

Câu 139 về động mạch trụ

- A nó đi sát bên ngoài tk trụ trên suốt đường đi
- B ở phần trên cẳng tay nó đi sau cơ gấp các ngón nông và trước cơ gấp các ngón sâu
- C nó là nguồn dẫn máu chính tới cung gan tay nông
- D nó cấp máu cho tk giữa qua nhánh từ động mạch gian cốt trước

Câu 140 : về cung động mạch gan tay sâu

- A nó nằm sát trước nền các xương đốt bàn tay

- B nó nhô (lồi) về phía xa hơn so với cung gan tay nông
- C nó tách ra 4 động mạch ngón tay chung
- D nó đi cùng với nhánh sâu tk trụ

Câu 141 : về cung động mạch gan tay nông

- A nhánh tận động mạch trụ có thể nối với động mạch chính ngón cái hay ngón trỏ để khép kín cung nông
- B cung nông là nguồn dẫn máu duy nhất tới các động mạch gan ngón tay riêng
- C điểm lồi ra xa nhất của cung nông ở ngang mức đường kẻ ngang qua gan tay , dọc theo bờ dưới của m
- D ở phần giữa gan tay , cung nông nằm sau (sâu hơn) các gân gấp của cơ gấp các ngón nông và cơ gấp

Câu 142 : về mạng tiếp nối động mạch quanh khuỷu

- A có sự tham gia của động mạch quặt ngược trụ và động mạch quặt ngược quay
- B có sự tham gia của động mạch gian cốt trước
- C có sự tham gia của động mạch gian cốt quặt ngược
- D có sự tham gia của các động mạch bên trụ trên và dưới , các nhánh bên quay và bên giữa của động m

Câu 143 : các tĩnh mạch nông của chi trên

- A tĩnh mạch đầu và tĩnh mạch nền đều khởi đầu từ mạng lưới tĩnh mạch mu tay
- B tĩnh mạch nền đổ vào đầu dưới tĩnh mạch nách cùng với các tĩnh mạch cánh tay
- C tĩnh mạch đầu nối với tĩnh mạch nền ở khuỷu qua tĩnh mạch giữa khuỷu
- D tĩnh mạch đầu dài hơn tĩnh mạch nền

Câu 144 : về các cơ vận động cánh tay

- A xoay ngoài cánh tay do các cơ : cơ tròn bé , cơ dưới gai , và các sợi sau cơ delta
- B xoay trong cánh tay do các cơ : cơ tròn lớn , cơ dưới vai , cơ ngực lớn , cơ lưng rộng , các sợi trước c
- C giạng cánh tay : chỉ do cơ trên gai

D khớp cánh tay : cơ ngực bé , cơ răng trước

Câu 145 : về các cơ vận động đai ngực

A khớp xương vai do các cơ : cơ tram lớn , cơ tram bé , các sợi giữa của cơ thang

B hạ xương vai do các cơ : cơ ngực bé , các sợi dưới của cơ thang

C giạng xương vai do các cơ : cơ lưng rộng , cơ dưới đòn

D nâng xương vai hoàn toàn do cơ nâng vai .